

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ Số 128 Nguyễn Trường Tộ, Phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại (0296) 384 4848

Fax (0296) 3959 552

Website www.moitruongdothi.angiang.org.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	03
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	19
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	41
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	57
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	61
QUẢN TRỊ CÔNG TY	67
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2019	75





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

05

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

07

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

09

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

11

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

13

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

15

CÁC RỦI RO

17



THÔNG TIN CHUNG



PHẦN I



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Logo Công ty

Tên Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Tên viết tắt

CÔNG TY CP MTĐT AN GIANG

Tên Tiếng Anh

AN GIANG URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY

Mã cổ phiếu

AGE

Vốn điều lệ

198.930.000.000 đồng

Trụ sở chính

Số 128 Nguyễn Trường Tộ, Phường Bình Khánh, Thành phố Long

Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại

(0296) 384 4848

Fax

(0296) 3959 552

Email

ctymtdtag@gmail.com

Website

www.moitruongdothi.angiang.org.vn

Giấy chứng nhận ĐKDN

1601604590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang, cấp lần đầu ngày 24/11/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04/10/2018.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Công trình Đô thị Long Xuyên được thành lập theo Quyết định số 1649/QĐUB-TC ngày 31/07/1999 của UBND tỉnh An Giang.

Ban Công trình Đô thị Long Xuyên được thành lập theo Quyết định số 1531/QĐ-UB-NV ngày 11/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang trên cơ sở chuyển đổi Công ty Công trình Đô thị Long Xuyên thành đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thuộc UBND thành phố Long Xuyên.

Ban Công trình Đô thị Long Xuyên chuyển đổi hình thức hoạt động từ đơn vị sự nghiệp có thu sang Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang làm chủ sở hữu, theo Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 17/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Công ty thực hiện theo Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 18/08/2015 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Đề án chuyển giao hoạt động dịch vụ công ích cấp huyện cho Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang.

1999

2004

2011

2015

2016

Công ty đã thành lập các Xí nghiệp Môi trường đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang và các Xí nghiệp bắt đầu hoạt động theo mô hình Doanh nghiệp nhà nước vào ngày 01/01/2016.

2017

Công ty đã thực hiện cổ phần hóa theo quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND Tỉnh An Giang.

2018

Ngày 28/03/2018, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang nhận được Công văn số 4375/VSD-ĐK của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc cấp mã chứng khóa AGE để Công ty thực hiện bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Ngày 18/04/2018, Công ty MTV Môi trường Đô thị An Giang đã tiến hành bán đấu giá lần đầu ra công chúng số lượng cổ phần là 9.569.000 (ứng với 51% số cổ phần có quyền biểu quyết).

Từ ngày 04/10/2018, Công ty chuyển đổi từ hình thức Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang sang Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị An Giang và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 với vốn điều lệ ban đầu là 198.930.000.000 đồng.

2019

Ngày 09/01/2019, Công ty cổ phần Đô thị An Giang nhận được công văn chấp thuận số 275/UBCK-GSDC của UBCKNN về việc chính thức trở thành công ty đại chúng.

Ngày 08/08/2019, Công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) ngày 02/08/2019 và công văn số 7183/VSD-ĐK của VSD ngày 02/08/2019 về việc đăng ký, lưu ký cổ phiếu của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị An Giang. Số lượng chứng khoán đăng ký là 19.893.000 cổ phần.

Từ 2019 - Nay: Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty vẫn tiếp tục hoàn thiện các thủ tục đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM với Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và phát huy những thành tựu đã đạt được, tập trung phát triển mảng kinh doanh chính, mang lại nguồn thu ổn định cho Công ty và đảm bảo thu nhập cho người lao động.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

2018

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang khen tặng Công ty đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương trong năm 2018.

Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tặng cờ cho Công ty với thành tích **“Đơn vị xuất sắc trong phong trào Xanh sạch đẹp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động năm 2018”**

2019

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang khen tặng Công ty đã có thành tích tiêu biểu góp phần củng cố, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ tại doanh nghiệp, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2019.

Ban chấp hành Liên đoàn lao động tỉnh An Giang tặng bằng khen cho Công đoàn cơ sở CTCP Môi trường Đô thị An Giang đạt thành tích xuất sắc trong phong trào **“Xanh - Sạch - Đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”** năm 2019.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Theo các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, CTCP Môi trường Đô thị An Giang có các sản phẩm dịch vụ chủ yếu sau

- » Quét rác đường phố, vỉa hè; thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, y tế, công nghiệp; khai thông hệ thống nước thải, xử lý nước thải; chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố; vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng;
- » Duy tu, sửa chữa các công trình thoát nước, vỉa hè, cầu đường; sơn vạch kẻ đường;
- » Rút hầm cầu, hầm lửng; cung cấp dịch vụ vận chuyển đồ, lau dọn vệ sinh cho các tổ chức, cá nhân;
- » Thi công xây dựng công trình cầu, đường, dân dụng, công viên cây xanh, điện chiếu sáng, thoát nước thải.



Địa bàn kinh doanh

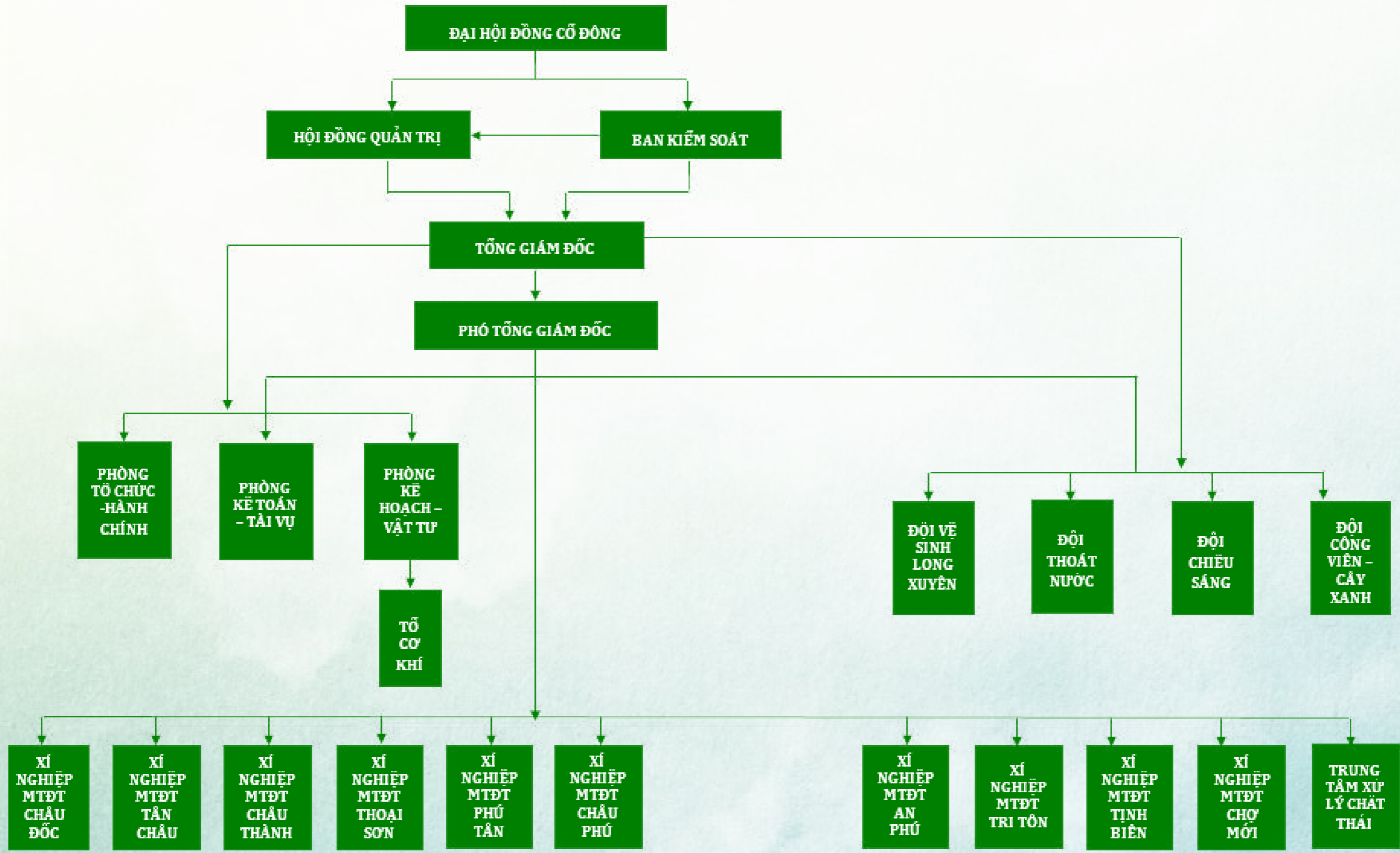
Hiện nay, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Long Xuyên và các huyện thị thành thuộc tỉnh An Giang. Ngoài ra, Công ty còn có chức năng thực hiện thu gom và xử lý rác nguy hại ở một số điểm thuộc tỉnh lân cận như Đồng Tháp, Kiên Giang, Cần Thơ tạo thêm nguồn thu để duy trì, phát triển doanh nghiệp.





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty con, Công ty liên kết: Không có





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

01

- » Tiếp tục xây dựng và phát triển Công ty là một trong những doanh nghiệp mạnh trong lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị, lấy hiệu quả kinh tế là chuẩn mực cho sự phát triển ổn định và bền vững.
- » Duy trì và phát triển sản phẩm dịch vụ công ích đô thị gồm: vệ sinh môi trường, công viên cây xanh, chiếu sáng, đồng thời mở rộng cung ứng đầy đủ dịch vụ lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh như vệ sinh, thu gom xử lý chất thải y tế, chất thải nguy hại, xử lý nước thải, cây xanh đô thị, chiếu sáng đô thị,... nhằm tối đa hóa lợi nhuận của Công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

02

- » Công ty tập trung nâng cao chất lượng công tác chuyên môn của tất cả các Xí nghiệp, Phòng, tổ đội đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ, tăng sản lượng thực hiện hoạt động dịch vụ công ích của các Xí nghiệp môi trường đô thị hoàn thành khối lượng công việc theo kế hoạch, chất lượng công việc đảm bảo ngày càng tốt hơn tạo lòng tin đối với lãnh đạo UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Trên cơ sở đó UBND tỉnh tiếp tục ký hợp đồng đặt hàng hoạt động dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh với Công ty nhằm duy trì được doanh thu hàng năm giúp doanh nghiệp hoạt động ngày càng ổn định.
- » Mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty như thu gom, vận chuyển rác cho các Công ty, Xí nghiệp, chăm sóc méo cây xanh, xử lý cống nghẹt, rút hầm cầu, vận chuyển đồ, cho thuê nhà vệ sinh, bán thùng rác,...



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

**Rủi ro kinh tế**

Kinh tế Việt Nam năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, nhờ tận dụng những cơ hội mới từ biến động kinh tế cũng như các chính sách kinh tế vĩ mô linh hoạt của Chính phủ, kinh tế Việt Nam tiếp tục có những gam màu tươi sáng trong các chỉ tiêu kinh tế như: tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP năm 2019 tăng 7,02%, vượt chỉ tiêu đã đề ra; tỷ lệ lạm phát thấp nhất trong vòng 3 năm, bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79%; khu vực dịch vụ tiếp tục tăng 7,3% so với năm 2018 và đóng góp 45% vào mức tăng trưởng chung.

Sự phát triển của Việt Nam nói chung và tỉnh An Giang nói riêng là yếu tố chính để tạo nên đà phát triển cho ngành dịch vụ công ích. Khi quy mô đô thị mở rộng, mật độ dân số tăng, hệ thống hạ tầng được nâng cấp, ... thì khối lượng công việc như vệ sinh môi trường, nhà máy, xí nghiệp sẽ tăng lên, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong thời gian tới, tỉnh An Giang đặt các mục tiêu chủ yếu như: Khai thác mạnh mẽ lợi thế so sánh của tỉnh trong liên kết vùng; phát huy tiềm năng, lợi thế, khai thác có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế ổn định, bền vững theo hướng tăng trưởng xanh; chủ động ứng phó biến đổi khí hậu tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, tập trung đầu tư phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Đây là những điều kiện thuận lợi cho Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động và xây dựng các chiến lược phát triển trung và dài hạn cho những năm tiếp theo.

**Rủi ro pháp luật**

Pháp luật là yếu tố chi phối xuyên suốt quá trình hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng. Trong giai đoạn hội nhập hiện nay, Chính phủ đang nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam để thu hút nguồn vốn bên ngoài. Chính vì thế, các chính sách kinh tế trong thời gian tới có thể sẽ có những thay đổi để hoàn thiện hơn. Cụ thể, vào tháng 7/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 40/2019/NĐ-CP về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường. Và mới nhất là vào ngày 26/11/2019, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Do vậy, để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh được hiệu quả và tránh các rủi ro về pháp lý, doanh nghiệp luôn thường xuyên cập nhật thông tin và linh hoạt thích nghi để nhận diện các mối nguy hại tiềm ẩn và kịp thời tìm ra hướng giải quyết tốt nhất khi có rủi ro xảy ra.

**Rủi ro đặc thù ngành**

Một rủi ro đặc thù chung cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công ích là không thể chủ động được giá thành sản phẩm, dịch vụ. Do đơn giá thực hiện theo khung quy định của các cơ quan ban ngành, mức giá này thường không theo kịp với mức tăng trong chi phí đầu vào của Công ty. Với việc giá đầu vào có sự biến động mà giá đầu ra lại được quản lý chặt chẽ đã trở thành thách thức đối với Ban lãnh đạo Công ty trong việc tiết giảm hợp lý giá đầu vào và hoạch định chiến lược phát triển hàng năm nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Hiện tại trong công tác thu gom và xử lý rác vẫn còn tồn tại các mặt hạn chế như sau: ý thức bảo vệ môi trường của người dân chưa cao cùng với việc các quy định, chế tài chưa đầy đủ, chặt chẽ. Cụ thể, các hành vi xả rác bừa bãi đã được quy định xử phạt theo Nghị định 155/2016/NĐ-CP của Chính phủ nhưng chưa được triển khai quyết liệt. Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh An Giang đang dần hoàn thiện nhưng nhiều khu vực vẫn chưa được xây dựng hoàn chỉnh, điều này cũng đã trì hoãn công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh. Đây là một thách thức lớn tác động đến các công ty kinh doanh, cung cấp dịch vụ công cộng trong lĩnh vực môi trường nói chung và Công ty cổ phần Môi trường Đô thị An Giang nói riêng.



Rủi ro môi trường

An Giang được biết đến là nơi hình thành và phát triển các tôn giáo mới, đây là điều kiện cần để phát triển ngành du lịch, đặc biệt du lịch văn hóa tâm linh. Theo số liệu thống kê từ Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang, trong năm 2019 ngành du lịch tỉnh An Giang đón khoảng 9,2 triệu lượt khách tăng 8,23% so với cùng kỳ năm 2018, ước đạt 100% so với kế hoạch năm 2019. Trong năm 2020, ngành du lịch An Giang đang đặt mục tiêu đón trên 10 triệu lượt khách du lịch. Việc đón tiếp một lượng khách du lịch lớn như vậy sẽ làm gia tăng tình trạng ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, việc ý thức giữ vệ sinh chung của một số bộ phận khách du lịch chưa

cao, sẽ tác động trực tiếp đến môi trường du lịch, làm cho mục tiêu xây dựng môi trường du lịch Xanh - Sạch - Đẹp gặp nhiều khó khăn. Đây là một thách thức lớn tác động đến các công ty kinh doanh, cung cấp dịch vụ công cộng trong lĩnh vực môi trường tại An Giang nói chung và Công ty cổ phần Môi trường Đô thị An Giang nói riêng.

Công ty đã nỗ lực để hạn chế tối đa các tác động trên bằng cách thường xuyên bảo dưỡng, vệ sinh trang thiết bị, đồng thời đề xuất các biện pháp xử lý và tăng sức chứa cho bãi rác tại địa phương. Không chỉ vậy, Công ty sẽ cùng phối hợp với các cấp lãnh đạo địa phương và người dân trong địa bàn tỉnh tập trung thực hiện công tác tuyên truyền, phân loại, thu gom, xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp bằng các phương pháp thích hợp; hạn chế tối đa chất thải chôn lấp, chấm dứt nạn vứt rác, xả thải trực tiếp xuống kênh rạch, thực hiện tốt công tác vệ sinh đô thị, tăng diện tích che phủ cây xanh, nâng cấp hệ thống thoát nước...Tạo nên không khí trong lành cho những người dân và khách du lịch khi đến với An Giang, góp phần tô thêm vẻ đẹp tại địa phương mà Công ty hoạt động.



Rủi ro an toàn lao động

Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang là doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ trong ngành môi trường và công trình đô thị, vì vậy phần lớn người lao động phải thực hiện công việc trực tiếp ngoài trời nên chịu ảnh hưởng lớn từ thời tiết. Công tác tu sửa điện công cộng đòi hỏi phải thường xuyên làm việc ở trên cao, dọc các tuyến đường giao thông khu cộng đồng. Ngoài ra, công nhân thường xuyên tiếp xúc với các loại rác và chất thải độc hại trong quá trình khai thông, nạo vét cống. Có thể nói, chất lượng nguồn nhân lực ảnh hưởng trực tiếp đến hình ảnh cũng như kết quả kinh doanh của Công ty. Nhận thức được điều trên, công tác chăm lo cho đời sống vật chất tinh thần người lao động được Công ty thường xuyên quan tâm cũng như thực hiện. Ngoài ra, Công ty luôn triển khai việc đảm bảo về an toàn lao động, vệ sinh lao động nhằm phòng ngừa sự cố hoặc tai nạn lao động cho người lao động và giảm thiểu những ảnh hưởng bất lợi có thể xảy ra trong quá trình làm việc.



Rủi ro khác

Với định hướng "Xây dựng nông thôn mới toàn tỉnh": nâng cao bộ mặt nông thôn khang trang, cải thiện vệ sinh môi trường, cảnh quan nông thôn,... Công ty gặp 1 số khó khăn do nguồn vốn Ngân sách Trung ương phân bổ cho Tỉnh còn hạn chế.

An Giang có vị trí tâm điểm vùng tứ giác Long Xuyên, nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào nền tảng nông nghiệp dễ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro như chịu biến đổi khí hậu, bệnh dịch nông-thủy sản, thị trường đầu ra đôi lúc khó khăn,... chuyển dịch cơ cấu lĩnh vực nông nghiệp trong vùng còn chậm, việc huy động nguồn lực trong dân chưa được tối ưu.

Những rủi ro này tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên chủ động nắm bắt thông tin từ Ủy ban Tỉnh, theo dõi sát sao tình hình kinh tế trong tỉnh, và đảm bảo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức tham gia xây dựng nông thôn mới của người dân trong tỉnh, và Công ty linh hoạt điều chỉnh kế hoạch điều hành công việc nhằm tận dụng tối ưu các nguồn lực sẵn có và hạn chế tối thiểu các rủi ro tác động.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

23

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

25

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

37

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

39

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

41



**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM**



PHẦN II



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Doanh thu	03 tháng cuối năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu công ích	40.219	85,64%	162.907	83,54%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.662	14,19%	30.838	15,81%
Doanh thu hợp đồng công trình	79	0,17%	1.273	0,65%
Tổng	46.961	100,00%	195.018	100,00%

(*) Công ty hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần từ ngày 03/10/2018. Do khác nhau về kỳ kế toán nên chúng tôi không thực hiện so sánh tăng/giảm giữa các chỉ tiêu thực hiện trong năm 2019 với thực hiện giai đoạn 03/10/2018 - 31/12/2018.



Sau hơn một năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang đã tập trung hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn trên các lĩnh vực như vệ sinh môi trường, thoát nước đô thị, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng nhằm đảm bảo cảnh quan môi trường đô thị trên địa bàn tỉnh luôn được sáng - xanh - sạch - đẹp. Trong năm 2019, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều chuyển biến tích cực. Doanh thu thuần khá tốt, đạt hơn 195 tỷ đồng. Xét về mặt cơ cấu, phần lớn doanh thu đến từ dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh chiếm 83,53% với doanh số đạt gần 163 tỷ đồng. Tiếp theo là doanh thu cung cấp dịch vụ chủ yếu là thu gom, vận chuyển rác cho các công ty, xí nghiệp, chăm sóc mé tĩa cây xanh, xử lý cống nghẹt,... đạt gần 31 tỷ đồng, chiếm 15,81% tổng doanh thu và thấp nhất là 1,3 tỷ đến từ doanh thu hợp đồng xây dựng cơ bản và hệ thống chiếu sáng với 0,65% tổng doanh thu thuần trong năm.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP đại diện UBND tỉnh An Giang	Số lượng CP cá nhân sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	9.930.600	2.400	49,93%
Trần Minh Tâm	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành	5.841.500	2.300	29,37%
Đặng Anh Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành	3.699.700	3.000	18,61%
Trần Hữu Bình	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành	-	1.200	0,01%
Đỗ Văn Lạc	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành	-	1.600	0,01%

Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT

NGUYỄN NGỌC SƠN - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Sơn

Nơi sinh: An Giang

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/11/1965

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Đại học Cầu Đường

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

- » 1985 - 1989: Công nhân Xí nghiệp Cơ khí An Giang
- » 1990 - 1993: Hạt trưởng Hạt giao thông Long Xuyên
- » 04/1993 - 09/1995: Nhân viên tại Đoàn Quản lý thủy bộ - Sở Giao thông vận tải An Giang
- » 10/1995 - 12/1998: TT. Tổ kế hoạch Ban Điều hành Giao thông vận tải Thành phố Long Xuyên
- » 1999 - 03/2002: Phó trưởng phòng Phòng Giao thông vận tải Thành phố Long Xuyên
- » 04/2002 - 04/2003: Phó trưởng phòng Phòng Phát triển đô thị Long Xuyên
- » 05/2003 - 09/2004: Phó giám đốc Công ty Công trình đô thị Long Xuyên
- » 10/2004 - 12/2011: Trưởng ban Ban Công trình đô thị Long Xuyên
- » 01/2012 - 02/2017: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
- » 03/2017 - 09/2018: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
- » 10/2018 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang

Số lượng cổ phần sở hữu: 9.933.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 49,93%VĐL

Sở hữu cá nhân: 2.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%VĐL

Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 9.930.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 49,92%VĐL

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

TRẦN MINH TÂM - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên: Trần Minh Tâm

Nơi sinh: An Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 03/05/1973

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Xây dựng Đảng và Chính Quyền Nhà nước

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Quá trình công tác:

- » 10/1992 - 08/1994: Cán bộ Văn phòng - PBT Đoàn TNCSHCM tại UBND xã Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
- » 08/1994 - 09/1996: Cán sự Phòng Tổ chức chính quyền huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
- » 09/1996 - 11/2001: Cán sự Ban Tổ chức chính quyền tỉnh An Giang
- » 11/2001 - 09/2004: Cán sự - Phụ trách P.TCHC Công ty Công trình đô thị Long Xuyên
- » 10/2004 - 12/2008: Chuyên viên - Phụ trách P.TCHC Ban Công trình đô thị Long Xuyên
- » 07/2009 - 11/2011: Phó trưởng ban Ban Công trình đô thị Long Xuyên
- » 11/2011 - 02/2017: Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
- » 02/2017 - 09/2018: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
- » 10/2018 - nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang

Số lượng cổ phần sở hữu: 5.843.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 29,37% VĐL;

Sở hữu cá nhân: 2.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,012% VĐL

Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 5.841.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 29,36% VĐL

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

ĐẶNG ANH DŨNG - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên: Đặng Anh Dũng

Nơi sinh: An Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/12/1964

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư lâm nghiệp

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Quá trình công tác:

- » 11/1987 - 12/1999: Cán bộ phụ trách Công viên cây xanh Ban Công trình công cộng Thị xã Long Xuyên
- » 01/2000 - 12/2000: Cán bộ phụ trách Công viên cây xanh Công ty Công trình đô thị Long Xuyên
- » 01/2001 - 10/2004: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Công trình đô thị Long Xuyên
- » 10/2004 - 12/2004: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ban Công trình đô thị Long Xuyên
- » 01/2005 - 12/2011: Phó trưởng ban Ban Công trình đô thị Long Xuyên
- » 01/2012 - 02/2017: Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
- » 03/2017 - 09/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
- » 10/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang

Số lượng cổ phần sở hữu: 3.702.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 18,62% VĐL;

Sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% VĐL

Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 3.699.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 18,60% VĐL

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

TRẦN HỮU BÌNH - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên: Trần Hữu Bình

Nơi sinh: An Giang

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 17/03/1980

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ môi trường

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Quá trình công tác:

- » 2005: Chuyên viên Ban Công trình đô thị Long Xuyên
- » 2006: Chuyên viên Ủy viên Ban chấp hành Chi đoàn Ban Công trình đô thị Long Xuyên
- » 2007: Chuyên viên Phó Bí thư Chi đoàn Ban Công trình đô thị Long Xuyên
- » 2008 - 2011: Phó Đội trưởng Đội vệ sinh; Bí thư Chi đoàn Ban Công trình đô thị Long Xuyên
- » 2012: Phó trưởng Phòng Kế hoạch kiêm Phó Chủ tịch Công đoàn Cty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang
- » 2013 - 2015: Trưởng phòng KH - VT; Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang
- » 2016 - 09/2018: Trưởng phòng KH - VT; Phó Chủ tịch Công đoàn; Chi ủy viên Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang
- » 10/2018 - nay: Trưởng phòng kế hoạch - vật tư; Chi ủy viên Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang

Số lượng cổ phần sở hữu: 1.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%VĐL

Sở hữu cá nhân: 1.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%VĐL

Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

ĐỖ VĂN LẠC - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên: Đỗ Văn Lạc

Nơi sinh: An Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 09/04/1976

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghiệp Nông thôn, Cử nhân Lý luận chính trị

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Quá trình công tác:

- » 02/1998 - 01/2004 Ban Công trình công cộng thị xã Châu Đốc Công nhân sửa điện
- » 01/2004 - 03/2006 Ban Công trình công cộng thị xã Châu Đốc Đội phó giám sát kỹ thuật
- » 04/2006 - 12/2015 Ban Công trình công cộng thị xã Châu Đốc Phó ban kiêm, Phó bí thư Chi bộ
- » 12/2015 - 06/2018 Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Đốc Phó Giám Đốc, Phó bí thư Chi bộ
- » 06/2018 - 10/2018 Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Đốc Giám đốc kiêm Bí thư Chi bộ
- » 10/2018 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Môi trường đô thị An Giang; Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Đốc

Số lượng cổ phần sở hữu: 1.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%VĐL;

Sở hữu cá nhân: 1.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%VĐL

Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần


Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP đại diện	Số lượng CP cá nhân sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Trần Thị Thanh Hương	Trưởng Ban kiểm soát	-	3.400	0,017%
Nguyễn Kim Hiện	Kiểm soát viên	-	1.900	0,01%
Trần Đình Thư	Kiểm soát viên	-	-	-

Sơ yếu lí lịch thành viên Ban Kiểm soát

TRẦN THỊ THANH HƯƠNG - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên: Trần Thị Thanh Hương **Nơi sinh:** Thanh Hóa **Quốc tịch:** Việt Nam

Giới tính: Nữ **Ngày sinh:** 27/09/1965 **Dân tộc:** Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Tài chính kế toán doanh nghiệp

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Quá trình công tác:

- » 09/1983 - 12/1983: NV thu lệ phí vệ sinh Ban Công trình công cộng thị xã Long Xuyên
- » 01/1984 - 04/2003: Kế toán Ban Công trình công cộng thị xã Long Xuyên
- » 05/2003 - 09/2004: Kế toán Công ty Công trình đô thị Long Xuyên
- » 10/2004 - 12/2010: Kế toán Ban Công trình đô thị Long Xuyên
- » 01/2011 - 11/2011: Kế toán trưởng Ban Công trình đô thị Long Xuyên
- » 12/2011 - 09/2018: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
- » 10/2018 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang

Số lượng cổ phần sở hữu: 3.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,017% VDL;

Sở hữu cá nhân: 3.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,017% VDL

Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần



NGUYỄN KIM HIỆN - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên: Nguyễn Kim Hiện **Nơi sinh:** An Giang **Quốc tịch:** Việt Nam

Giới tính: Nữ **Ngày sinh:** 21/04/1964 **Dân tộc:** Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Tài chính kế toán doanh nghiệp

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Quá trình công tác:

- » 1998 - 1999: Kế toán Ban Công trình công cộng thị xã Long Xuyên
- » 2000 - 2004: Kế toán Công ty Công trình đô thị Long Xuyên
- » 2004 - 2011: Kế toán Ban Công trình đô thị Long Xuyên
- » 2012 - 5/2018: Kế toán Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
- » 06/2018 - 09/2018: NV.Phòng Kế hoạch Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
- » 10/2018 - 04/2019: NV.Phòng Kế hoạch và Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang
- » 5/2019 - nay: Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang

Số lượng cổ phần sở hữu: 1.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% VDL

Sở hữu cá nhân: 1.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% VDL

Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

TRẦN ĐÌNH THƯ - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên: Trần Đình Thư **Nơi sinh:** An Giang **Quốc tịch:** Việt Nam

Giới tính: Nam **Ngày sinh:** 05/12/1963 **Dân tộc:** Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Tài chính kế toán doanh nghiệp

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Trưởng phòng Sở tài chính An Giang

Quá trình công tác:

- » 1986 - 1990: Tổ trưởng NS Phòng Tài chính huyện Tri Tôn, An Giang
- » 1990 - 1995: Đội trưởng Chi cục thuế huyện Tri Tôn, An Giang
- » 1995 - 1999: Chuyên viên Cục quản lý vốn & Tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp An Giang
- » 1999 - 2011: Chuyên viên Sở tài chính An Giang
- » 2011 - nay: Phó Trưởng phòng Sở tài chính An Giang
- » 10/2018 - nay: Kiểm soát viên CTCP Môi trường đô thị An Giang

Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

Danh sách thành viên Ban Điều hành

Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP đại diện UBND tỉnh An Giang	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Trần Minh Tâm	Tổng Giám đốc	5.841.500	2.300	29,37%
Đặng Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	3.699.700	3.000	18,61%
Đinh Thị Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc	-	-	-
Võ Thị Ngọc Bích	Kế toán trưởng	-	1.000	0,005%

Sơ yếu lí lịch thành viên Ban Điều hành

ÔNG TRẦN MINH TÂM - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

Lý lịch xem tại trang 26

ÔNG ĐẶNG ANH DŨNG - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lý lịch xem tại trang 26

ĐINH THỊ NGỌC NGA - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên: Đinh Thị Ngọc Nga **Nơi sinh:** An Giang **Quốc tịch:** Việt Nam
Giới tính: Nữ **Ngày sinh:** 15/08/1976 **Dân tộc:** Kinh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
Quá trình công tác:

- » 11/2000 - 08/2004: Chuyên viên Công ty Điện nước An Giang
- » 09/2004 - 08/2006: Cán bộ tín dụng Ngân hàng Chính sách xã hội An Giang
- » 08/2006 - 06/2008: Kế toán Ngân hàng Chính sách xã hội An Giang
- » 10/2008 - 06/2009: Kế toán tín dụng Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh An Giang
- » 06/2009 - 07/2011: Cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh An Giang
- » 07/2011 - 02/2012: Kiểm soát viên Phòng KHCN Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN An Giang
- » 02/2012 - 12/2013: Kiểm soát viên kiêm trưởng bộ phận Phòng KHCN Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN An Giang
- » 12/2013 - 06/2017: Kiểm soát viên Phòng KHCN Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN An Giang
- » 06/2017 - 04/2018: Trưởng bộ phận Hỗ trợ tín dụng Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN An Giang
- 04/2018 - 06/2019: Phó Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh An Giang
- » 06/2019 - nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Môi trường Đô thị An Giang

Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần
Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 0 cổ phần
Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần



VÕ THỊ NGỌC BÍCH - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên: Võ Thị Ngọc Bích **Nơi sinh:** An Giang **Quốc tịch:** Việt Nam
Giới tính: Nữ **Ngày sinh:** 8/12/1983 **Dân tộc:** Kinh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
Quá trình công tác:

- » 05/2007 - 11/2011: NV P.TC-HC Ban Công trình đô thị Long Xuyên
- » 12/2011 - 11/2016: Quyền Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
- » 12/2017 - 09/2018: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang
- » 10/2018 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang

Số lượng cổ phần sở hữu: 1.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,005% VDL
Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,005% VDL
Sở hữu đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 0 cổ phần
Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

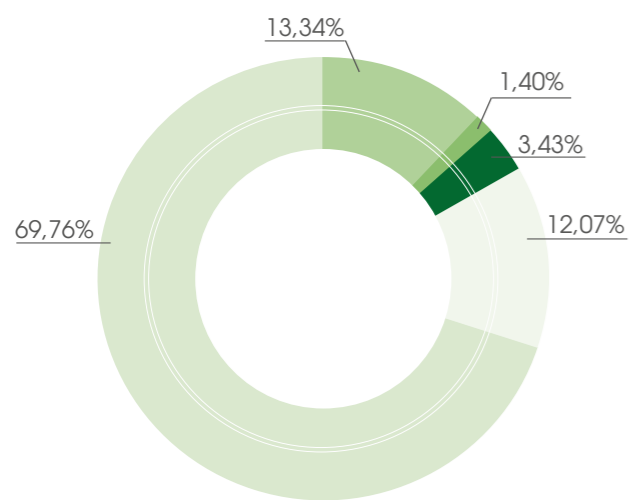
Danh sách thay đổi thành viên Ban điều hành trong năm 2019

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Đinh Thị Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc	18/06/2019	

Số lượng cán bộ, nhân viên

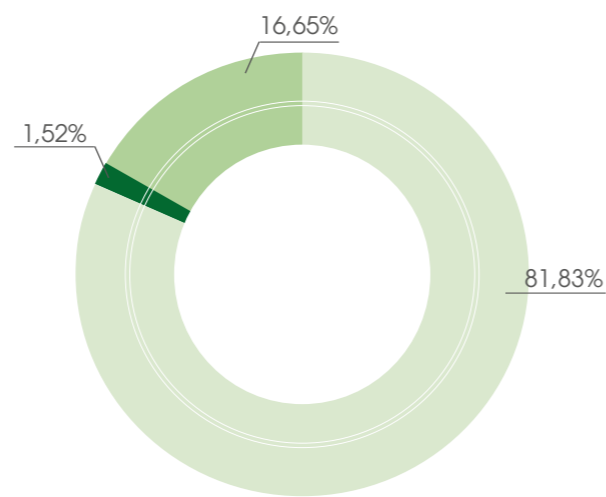
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Theo trình độ lao động	787	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	95	12,07%
2	Trình độ cao đẳng	11	1,40%
3	Trình độ trung cấp	27	3,43%
4	Công nhân kỹ thuật	105	13,34%
5	Lao động phổ thông	549	69,76%
II	Theo loại hợp đồng lao động	787	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	644	81,83%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	131	16,65%
3	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	12	1,52%
III	Theo giới tính	787	100,00%
1	Nam	697	88,56%
2	Nữ	90	11,44%

CƠ CẤU NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG



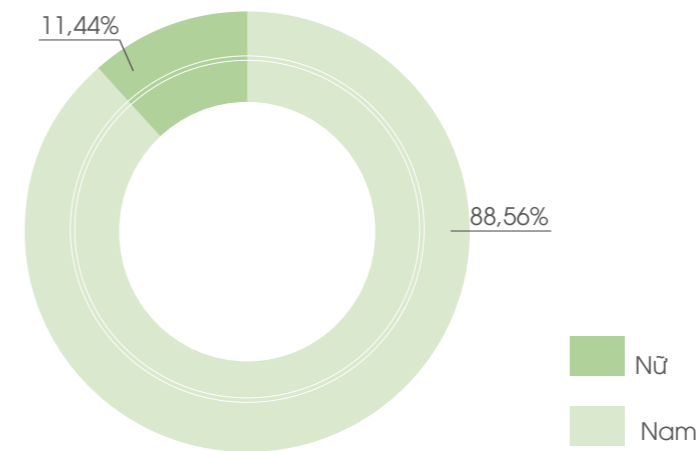
■ Trên đại học, đại học
■ Cao đẳng
■ Trung cấp
■ Công nhân kỹ thuật
■ Lao động phổ thông

CƠ CẤU NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO LOẠI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



■ Từ 1 - 3 năm
■ Không thời hạn
■ Dưới 1 năm

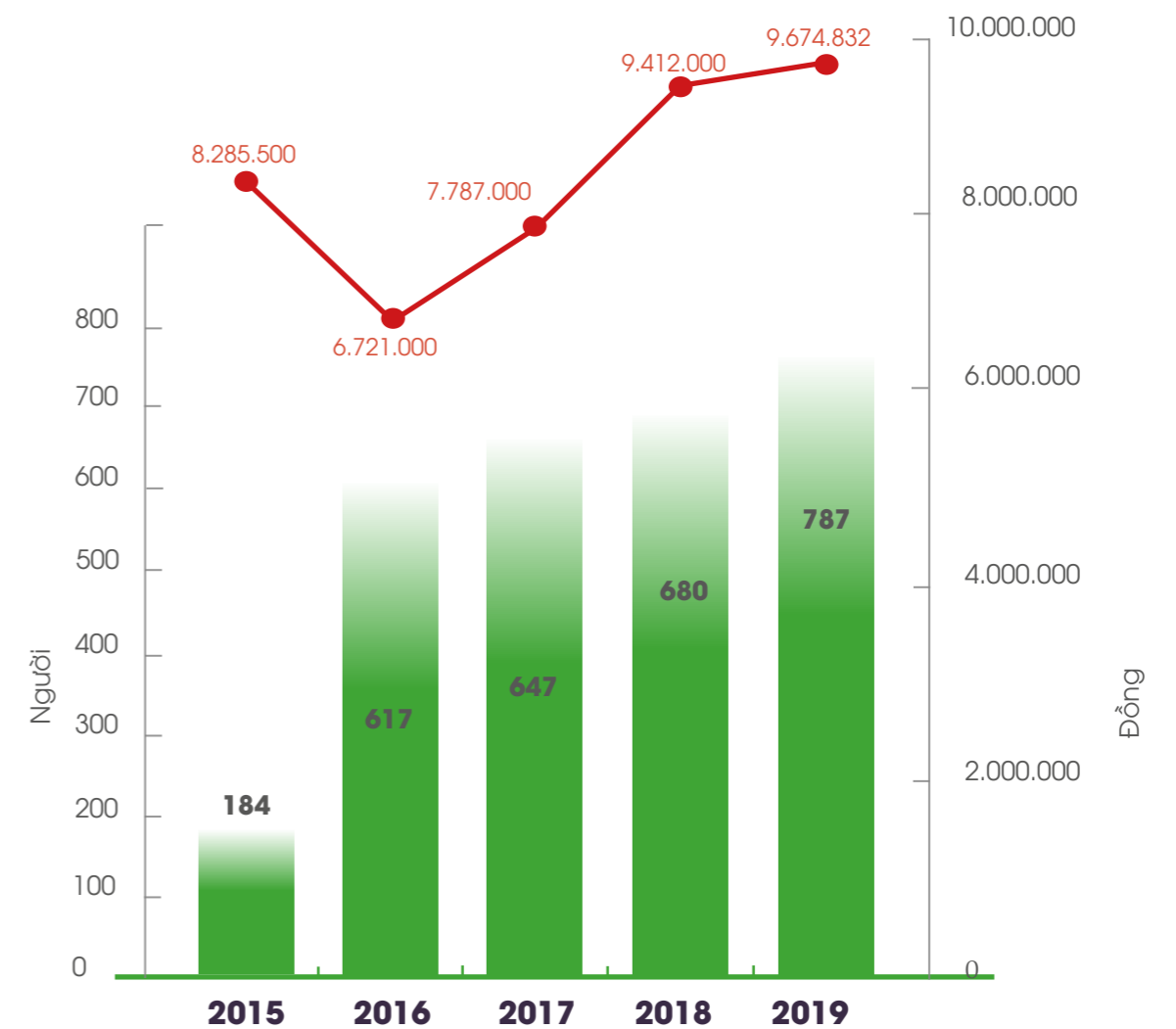
CƠ CẤU NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO GIỚI TÍNH



Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số lượng người lao động (người)	184	617	647	680	787
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.285.500	6.721.000	7.787.000	9.412.000	9.674.832

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM





Chính sách nhân sự

Yếu tố con người luôn được chú trọng phát triển và được xem là yếu tố then chốt đồng hành cùng sự phát triển của Công ty. Công ty luôn trân trọng sự đóng góp của tất cả mọi người vào thành công chung. Theo đó, Ban lãnh đạo luôn cố gắng tạo ra một môi trường làm việc năng động và công bằng, chuyên nghiệp và thân thiện, là nơi mà mỗi một nhân viên đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện, phát triển sự nghiệp.



Về chính sách tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.

Việc tuyển dụng lao động tại Công ty xuất phát từ nhu cầu công việc thực tế, người lao động được tuyển dụng phải đáp ứng các điều kiện quy định: về sức khỏe, trình độ chuyên môn, kỹ năng phù hợp với quy chế tuyển dụng của Công ty.

Về chính sách đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Chính vì vậy, Hằng năm Công ty đều tổ chức đào tạo tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, tạo điều kiện về thời gian giúp cho người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Về chính sách lương, thưởng và chế độ phúc lợi

Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà Nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người.

- » Người lao động được hưởng các chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Thu nhập được trả căn cứ thị trường lao động, trình độ, năng lực, trách nhiệm, khối lượng công việc thực tế và kết quả công việc của cá nhân.
- » Về các chính sách nghỉ lễ, tết, phép, Công ty luôn đảm bảo được quan tâm, chăm sóc toàn diện đến người lao động từ vật chất đến tinh thần. Vào các dịp lễ tết, ngoài việc cho cán bộ công nhân viên và người lao động được nghỉ đúng quy định, Công ty còn xây dựng và tổ chức các hoạt động du lịch, nghỉ mát nhằm tạo tinh thần đoàn kết và mối quan hệ, tạo điều kiện giao lưu cho người lao động.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH

Hoàn thành các dự án như: Dự án xử lý triệt để môi trường bãi rác Bình Đức theo chỉ đạo của Trung Ương và UBND tỉnh An Giang; Dự án cải tạo chôn lấp hợp vệ sinh ô số 1 phủ đỉnh và Hệ thống xử lý nước rỉ rác 50m³/ngày đêm bãi rác Kênh 10, Châu Đốc; Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Thoại Sơn (công suất 50 tấn/ngày).

Đầu tư trang bị thêm các phương tiện, công cụ dụng cụ như trên 400 thùng rác, 11 xe chở rác chuyên dùng, 02 xe đào, 01 xe tải để trang bị cho các Xí nghiệp nhằm nâng cao năng lực và chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Xây dựng hồ chôn lấp hợp vệ sinh số 2 - Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên

Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Chợ Mới (công suất 100 tấn/ngày)

Trụ sở làm việc Chợ Mới & Tịnh Biên

Lò đốt rác xã Vĩnh Gia





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (*)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	03 tháng cuối năm 2018	Năm 2019	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019/Kế hoạch 2019
Doanh thu thuần	46.961	195.018	185.000	105,42%
Lợi nhuận từ HDKD	4.040	17.349	-	-
Lợi nhuận khác	(25)	86	-	-
Lợi nhuận trước thuế	4.014	17.435	16.000	108,97%
Lợi nhuận sau thuế	3.124	15.075	13.450	112,08%
Tỷ lệ chia cổ tức (**)	Dự kiến 2%	-	2%	-

(*) Công ty hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần từ ngày 03/10/2018. Do khác nhau về kỳ kế toán nên chúng tôi không thực hiện so sánh tăng/giảm giữa các chỉ tiêu thực hiện trong năm 2019 với thực hiện giai đoạn 03/10/2018 - 31/12/2018.

(**) Cổ tức 03 tháng cuối năm 2018 sẽ được cộng dồn vào năm 2019 và tiến hành chi trả sau khi có Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

NĂM 2019, LỢI NHUẬN SAU THUẾ AGE ĐẠT HƠN

15.075 TRIỆU ĐỒNG

12,08%

SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2019

Sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, cùng với sự nỗ lực của Ban điều hành Công ty và nhất là tinh thần đoàn kết, quyết tâm của toàn thể cán bộ và người lao động trong Công ty đã từng bước đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Doanh thu thuần vẫn giữ mức tăng trưởng ổn định. Năm 2019, Công ty ghi nhận doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh đạt mức 195 tỷ đồng, cao hơn 5,42% so với

kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Bên cạnh đó, công tác quản lý hiệu quả các chi phí đã giúp lợi nhuận sau thuế cũng đạt hơn 15 tỷ đồng, cao hơn 12,08% so với kế hoạch năm 2019. Nguyên nhân của việc tăng các chỉ tiêu trên là do trong năm 2019 Công ty đã được ghi nhận doanh thu xử lý rác thải và nước rỉ rác tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019
Nhóm chỉ số Thanh khoản			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,96	2,57
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,73	2,01
Nhóm chỉ số Đòn bẩy tài chính			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	23,38	12,29
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	30,51	14,01
Nhóm chỉ số Hiệu quả hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,04	8,43
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,18	0,62
Nhóm chỉ số Sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,65	7,73
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	1,56	5,82
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,18	4,83
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	8,6	8,90





TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: **19.893.000 cổ phiếu**

» Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **19.893.000 cổ phiếu**

» Số lượng cổ phiếu quỹ: **0 cổ phiếu**

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông

Tính đến ngày 31/12/2019

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (1.000VND)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	398	19.892.900	198.929.000	99,9995%
1	Cá nhân	397	421.100	4.211.000	2,1168%
2	Tổ chức	1	19.471.800	194.718.000	97,8827%
II	Cổ đông nước ngoài	1	100	1.000	0,0005%
1	Cá nhân	-	-	-	-
2	Tổ chức	1	100	1.000	0,0005%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	399	19.893.000	198.930.000	100%

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty trở lên tại ngày 31/12/2019

Tên cổ đông	Số CMT/Hộ chiếu/ Giấy chứng nhận ĐKDN	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/ VDL
Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	2088/QĐ-UBND	82 Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, An Giang	19.471.800	97,88%
	Tổng cộng		19.471.800	97,88%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

45

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

49

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

51

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

53



**BÁO CÁO CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**



PHẦN III



“TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH”

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	%TH2019/ KH2019
Doanh thu thuần	Triệu đồng	185.000	195.018	105,42%
Tổng chi phí	Triệu đồng	165.000	179.706	108,91%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	16.000	17.435	108,97%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	13.450	15.075	112,08%
Cổ tức	%	2%	-	-

Nhìn chung trong năm 2019, Công ty luôn nhận được sự quan tâm lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh cũng như sự hỗ trợ kịp thời của các Sở ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã giúp Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra và đáp ứng yêu cầu phục vụ tại các địa phương như:

- » Phối hợp chặt chẽ với các phường xã thực hiện tốt công tác thu gom và vận chuyển rác. Đặc biệt là xóa các điểm tập kết rác gây ô nhiễm môi trường, thu gom rác đổ bãi bãi và tổng vệ sinh phục vụ Lễ hội Vía Bà, Lễ hội Miếu Bà Bàu Mướp, Lễ giỗ Đoàn Minh Huyền,...
- » Hoàn thành các dự án như: Dự án xử lý triệt để môi trường bãi rác Bình Đức theo chỉ đạo của Trung Ương và UBND tỉnh An Giang; Dự án cải tạo chôn lấp hợp vệ sinh ô số 1 phủ đỉnh và Hệ thống xử lý nước rỉ rác 50m3/ngày đêm bãi rác Kênh 10, Châu Đốc; Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Thoại Sơn (công suất 50 tấn/ngày).
- » Đầu tư trang bị thêm các phương tiện, công cụ dụng cụ như trên 400 thùng rác, 11 xe chở rác chuyên dùng, 02 xe đào, 01 xe tải để trang bị cho các Xí nghiệp nhằm nâng cao năng lực và chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.
- » Khai thông, nạo vét các miệng hố ga, miệng cống xả và thông lòng cống đảm bảo hệ thống thoát nước tốt, không bị ứ đọng trên mặt đường khi trời mưa.
- » Tăng cường chăm sóc, quản lý công viên cây xanh đồng thời mé tĩa cây xanh trong mùa mưa, linh động xử lý các cây có dấu hiệu đổ ngã.
- » Đảm bảo công tác kiểm tra, sửa chữa thường xuyên hệ thống đèn chiếu sáng và đèn tín hiệu giao thông. Phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố xảy ra.



Bên cạnh những mặt làm được còn có những khó khăn, hạn chế tồn tại ảnh hưởng đến chất lượng công việc, chuyên môn của Công ty như:



Về công tác thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác

- » Công tác tuyên truyền, vận động người dân ở các phường, xã, thị trấn về việc thu tiền dịch vụ chưa được sâu, rộng nên một số bộ phận người dân còn thờ ơ với việc tham gia đóng tiền dịch vụ.
- » Bộ thu của các địa phương lập bàn giao cho Công ty chưa chính xác, mức thu không đúng, không đủ theo Quyết định số 94/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh An Giang. Do đó, người đi thu không triển khai thu được nên phải vừa đi thu vừa lập lại bộ thu mới theo tuyến đường, khu vực mà Công ty thu gom, vận chuyển rác. Nhưng trong quá trình lập bộ thu nhiều hộ gia đình không hợp tác với người đi thu (không chịu cung cấp họ, tên).
- » Một số hộ gia đình, hộ kinh doanh, ... không chịu đóng tiền dịch vụ nguyên nhân là do thay đổi người đi thu, địa phương chưa thông báo, đã đóng cho địa phương, do họ không phát sinh lượng rác hoặc tự xử lý, do trước đây phường, xã, thị trấn không thu và không có trong bộ thu của địa phương lập, ...
- » Một số hộ gia đình, hộ kinh doanh buôn bán, nhà trọ,... không đóng đúng theo mức quy định nguyên nhân là

Về công tác công viên, cây xanh:

Cây xanh, hoa kiểng trên công viên và các tuyến đường bị người dân chặt phá làm mất vẻ mỹ quan đô thị. Mặt khác, cây xanh trên các tuyến đường chưa đồng bộ có nhiều loại cây khác nhau đồng thời có một số người dân tự ý trồng cây trên tuyến đường gây khó khăn cho việc quản lý cây xanh của Công ty.

hộ kinh doanh buôn bán nhỏ lượng rác phát sinh ít chỉ bằng hộ gia đình hoặc hộ kinh doanh buôn bán lớn lượng rác phát sinh rất nhiều nhưng lại chỉ đóng mức hộ gia đình nên trước đây các phường, xã, thị trấn đã tận thu của các hộ này (chịu đóng bao nhiêu thì phường, xã, thị trấn thu bấy nhiêu). Do đó, khi Công ty triển khai đi thu theo đúng mức quy định là rất khó, nhiều hộ yêu cầu thu như mức thu trước đây địa phương thu thì mới chịu đóng tiền vì vậy thu chưa đạt.

- » Công ty đang gặp khó khăn trong việc truy thu lại tiền dịch vụ đối với các hộ gia đình, hộ kinh doanh,... mà tháng trước không thu được do đi vắng, nhà đóng cửa, ... nhưng đến tháng sau thu lại thì thu không được.
- » Vẫn còn nhiều hộ gia đình, hộ kinh doanh,... đã đóng cho địa phương cả năm nên người đi thu của Công ty thu không được.
- » Người đi thu không phải là cán bộ xã, thị trấn nên việc thu gặp rất nhiều khó khăn.
- » Phần trăm trích cho người đi thu là 10% theo số thu được tương đối thấp đối với các khu vực nông thôn, dân cư thưa thớt,...do đó không tìm được người đi thu.

Về công tác thoát nước đô thị:

Hệ thống thoát nước bị các hộ dân che lấp, trán bịt miệng cống cũng như bỏ rác xuống cống, hố ga,... ảnh hưởng đến công tác khai thông nạo vét bùn cống hố ga.

Về công tác vệ sinh môi trường

- » Ý thức người dân trong việc bảo vệ môi trường chưa cao, còn bỏ rác bừa bãi không đúng nơi quy định.
- » Lực lượng tự quản thu gom rác không thường xuyên, lượng rác tăng giảm đột biến ảnh hưởng đến công tác lấy rác của Công ty.
- » Các xe vận chuyển vật liệu xây dựng lưu thông trên đường làm rơi vãi cát đá gây mất vẻ mỹ quan đô thị cũng như ảnh hưởng đến công tác vệ sinh của Công ty.
- » Các tuyến đường trên địa bàn các phường, xã, thị trấn đang xuống cấp, cầu yếu ảnh hưởng đến quá trình thu gom vận chuyển rác.
- » Việc mở rộng địa bàn thu gom rác nhằm nâng cao tỷ lệ thu gom rác trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn do ngân sách địa phương hạn chế.

Về công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- » Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên - huyện Châu Thành: hố chôn lấp rác số 1 theo thiết kế đã quá tải (hiện tại khu liên hợp đã tiếp nhận xử lý 240.242/175.252 tấn rác theo công suất thiết kế, vượt 64.990 tấn) và phải tiếp tục tiếp nhận lượng rác khoảng 274 tấn/ngày (tháng 11/2019). Do đó, trong khi hố chôn lấp số 2 đang trình thẩm định vì vậy công tác bảo vệ môi trường tại khu liên hợp gặp nhiều khó khăn đòi hỏi Công ty tập trung rất cao công tác bảo vệ môi trường tại khu xử lý.
- » Hiện nay, các bãi rác trên địa bàn các huyện, thị, thành đang trong tình trạng quá tải nhưng vẫn chưa thực hiện đóng lấp do chưa xây dựng được nhà máy xử lý rác. Hàng ngày các bãi rác này vẫn tiếp nhận lượng rác phát sinh trên địa bàn vì vậy Công ty phải thường xuyên tăng cường san ủi, phun xịt khử mùi và diệt ruồi nhưng đây chỉ là giải pháp tạm thời.

Về hệ thống đèn chiếu sáng công cộng

Tình trạng mất cấp dây điện, trang thiết bị chiếu sáng còn diễn ra.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

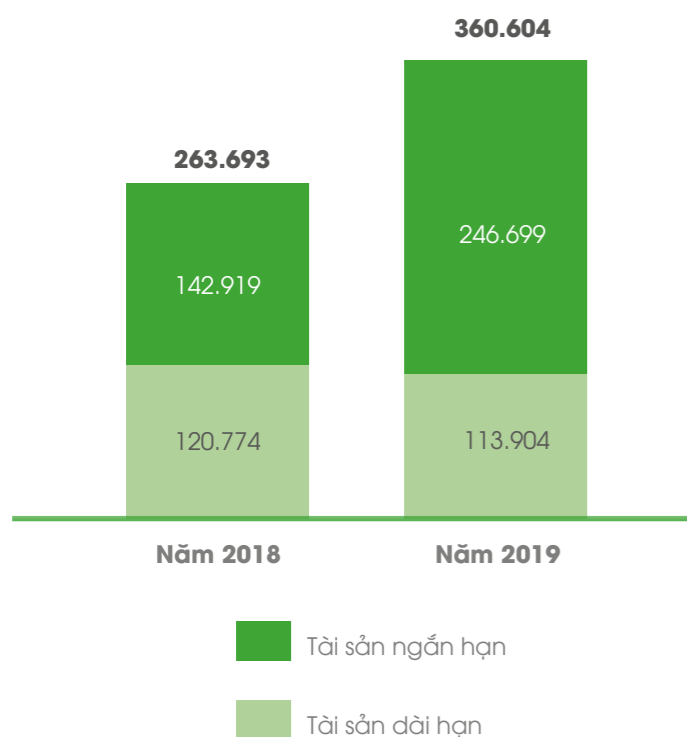
Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2019	31/12/2019	Tăng/Giảm	Tỷ trọng tại ngày 01/01/2019	Tỷ trọng tại ngày 31/12/2019
Tài sản ngắn hạn	120.774	113.904	94,31%	45,80%	31,59%
Tài sản dài hạn	142.919	246.699	172,61%	54,20%	68,41%
Tổng tài sản	263.693	360.604	136,75%	100,00%	100,00%

Do Công ty mới chuyển đổi từ mô hình Công ty TNHH sang mô hình Công ty cổ phần từ ngày 03/10/2018, nên chính sách kế toán áp dụng cho năm 2018 và 2019 có sự không đồng nhất, do đó khó có thể thực hiện so sánh thay đổi qua các năm.

CƠ CẤU TÀI SẢN NĂM 2018, NĂM 2019

(Đơn vị tính: Triệu đồng)



Xét về cơ cấu tài sản trong 03 tháng cuối năm 2018, tỷ trọng đóng góp trong cơ cấu tài sản ngắn hạn và dài hạn không quá khác biệt lớn. Tại ngày 31/12/2019, tài sản ngắn hạn trong năm 2019 là 113,904 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 31,59% tổng tài sản. Còn lại là tài sản dài hạn, đạt gần 247 tỷ đồng, chiếm hơn 68% cơ cấu tổng tài sản. Đóng góp lớn trong việc tăng tài sản dài hạn trong năm 2019 là việc mua 09 xe chở rác chuyên dùng để phục vụ hoạt động kinh doanh cho các Xí nghiệp. Ngoài ra, trong năm Công ty có khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng hơn 110 tỷ, chủ yếu cho một số Dự án lớn đang thực hiện của Công ty như:

- » Dự án hạ tầng khu liên hiệp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên (giai đoạn 1): 73,6 tỷ đồng
- » Dự án xử lý triệt để môi trường bãi rác Bình Đức: 38,3 tỷ đồng
- » Dự án nhà máy xử lý chất thải rắn - Huyện Chợ Mới: 6,1 tỷ đồng

Tình hình tài sản cố định vô hình tài ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	13.896.146.234	13.896.146.234	100,00%
Phần mềm máy vi tính	427.850.000	278.128.514	65,01%
Cộng	14.323.996.234	14.174.274.748	98,95%

Tình hình tài sản cố định hữu hình tài ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	45.216.183.720	30.354.467.260	67,13%
Máy móc thiết bị	12.350.329.503	11.218.060.370	90,83%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	106.738.132.355	60.098.799.006	56,30%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	48.181.818	28.503.105	59,16%
Tài sản cố định hữu hình khác	426.532.000	221.579.063	51,95%
Cộng	164.779.359.396	101.921.408.804	61,85%

Tình hình nợ phải trả

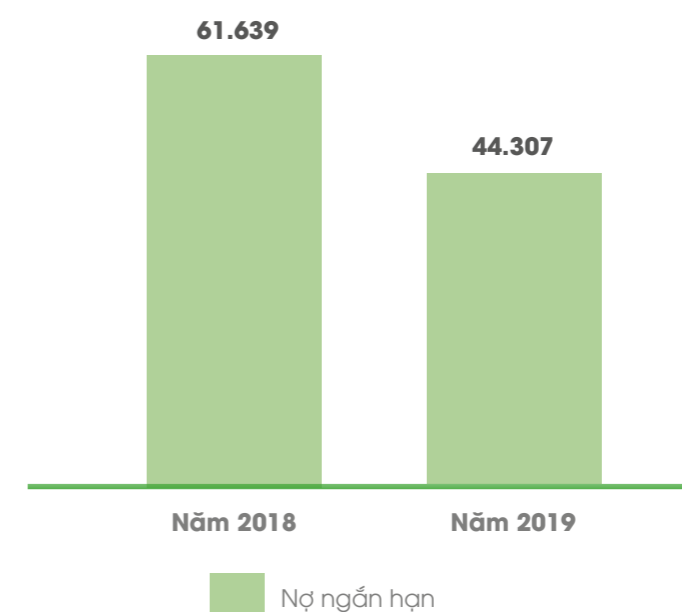
Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2019	31/12/2019	Tăng/Giảm	Tỷ trọng tại ngày 01/01/2019	Tỷ trọng tại ngày 31/12/2019
Nợ ngắn hạn	61.639	44.307	71,88%	100%	100%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	61.639	44.307	71,88%	100%	100%

Do Công ty mới chuyển đổi từ mô hình Công ty TNHH sang mô hình Công ty cổ phần từ ngày 03/10/2018, nên chính sách kế toán áp dụng cho năm 2018 và 2019 có sự không đồng nhất, do đó khó có thể thực hiện so sánh thay đổi qua các năm.

CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ NĂM 2018, NĂM 2019

(Đơn vị tính: Triệu đồng)



Nợ ngắn hạn chiếm 100% trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty. Tổng nợ phải trả năm 2019 là 44,3 tỷ đồng, chủ yếu là khoản phải trả người lao động là 23,4 tỷ và trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 11,7 tỷ.



- » Để đạt được kết quả trên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có định hướng đúng trong chiến lược sản xuất kinh doanh, đồng thời chú trọng việc cải tiến hệ thống quản lý, ổn định tổ chức nhằm phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.
- » Phối hợp với các phường, xã, thị trấn trên địa bàn huyện, thị, Tăng cường công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ thuật, tay nghề chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh và công tác điều hành.
- » Thực hiện đầu tư các dụng cụ lao động và phương tiện chuyên dùng nhằm nâng cao năng lực và chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.
- » Tập trung chỉ đạo nâng chất tác phong làm việc của người lao động tại các Xí nghiệp, chủ động nghiên cứu triển khai thực hiện các phương án, mô hình phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương nhằm góp phần làm cho môi trường trên địa bàn huyện, thị, thành ngày càng sạch hơn, đẹp hơn. Điển hình như:

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ


01

Gắn giám sát hành trình cho các xe chuyên dùng và xe hầm cầu của các Xí nghiệp nhằm quản lý chặt chẽ, giám sát công việc thực hiện hàng ngày của các xe và nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ, đáp ứng theo yêu cầu của địa phương và người dân.

02

Thực hiện phương án nhặt rác bằng xe đạp các tuyến đường trên địa bàn thành phố Long Xuyên và thành phố Châu Đốc nhằm hạn chế lượng rác rơi vãi trên mặt đường sau giờ làm việc chính của công nhân vệ sinh cũng như nâng cao ý thức của người dân trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường đô thị.

03

Triển khai lấy rác ở những nơi đổ rác bữa bãi trên các tuyến đường tại thành phố Long Xuyên vào thứ 4 và thứ 7 hàng tuần nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong vấn đề bảo vệ môi trường, hạn chế tình trạng đổ trộm chất thải tại các khu vực đất trống.

04

Cho xe ép rác vận hành thu gom rác trực tiếp phát sinh trên các tuyến đường thành phố Long Xuyên nhằm hạn chế lượng rác tập trung về các điểm tập kết và từng bước xóa các điểm tập kết.

05

Gắn bơm tuần hoàn nước rác cho các xe chở rác chuyên dùng trên địa bàn thành phố Long Xuyên nhằm khắc phục tình trạng nước rác rơi vãi trên đường.





Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Thực hiện hoạt động dịch vụ công ích (Ký hợp đồng với UBND tỉnh)

Công ty tập trung nâng cao chất lượng công tác chuyên môn của tất cả các Xí nghiệp, Phòng, tổ đội đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ, tăng sản lượng thực hiện hoạt động dịch vụ công ích của các Xí nghiệp môi trường đô thị hoàn thành khối lượng công việc theo kế hoạch, chất lượng công việc đảm bảo ngày càng tốt hơn tạo lòng tin đối với lãnh đạo UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Trên cơ sở đó UBND tỉnh tiếp tục ký hợp đồng đặt hàng hoạt động dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh với Công ty nhằm duy trì được doanh thu hàng năm giúp doanh nghiệp hoạt động ngày càng ổn định.

Thực hiện hoạt động dịch vụ (Ký hợp đồng với các Công ty, Xí nghiệp,...)

Mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty như thu gom, vận chuyển rác cho các Công ty, Xí nghiệp, chăm sóc mé tía cây xanh, xử lý cống nghẹt, rút hầm cầu, vận chuyển đồ, cho thuê nhà vệ sinh, bán thùng rác,...

Thực hiện vận hành các Nhà máy xử lý rác

- » Vận hành Nhà máy xử lý Chất thải nguy hại.
- » Thu gom và xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn huyện Thọ Sơn, huyện Tri Tôn, huyện Chợ Mới, thành phố Long Xuyên và Châu Đốc.
- » Vận hành xử lý rác theo phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh tại hố chôn lấp rác hợp vệ sinh giai đoạn 2- Khu liên hợp xử lý CTR cụm Long Xuyên - xã Bình Hòa - huyện Châu Thành - tỉnh An Giang.
- » Vận hành xử lý rác theo phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh tại hố chôn lấp rác hợp vệ sinh - Khu liên hợp xử lý rác Phú Thạnh - huyện Phú Tân - tỉnh An Giang.
- » Vận hành Nhà máy xử lý rác Thọ Sơn.
- » Vận hành Nhà máy xử lý rác Chợ Mới.
- » Vận hành Hệ thống xử lý nước thải Kênh 10 - Châu Đốc.



Kế hoạch đầu tư phát triển

- » Thực hiện các đề án, dự án của công ty:
 - + Đầu tư dự án hố chôn lấp rác hợp vệ sinh giai đoạn 2- Khu liên hợp xử lý CTR cụm Long Xuyên - xã Bình Hòa - huyện Châu Thành - tỉnh An Giang.
 - + Thực hiện đầu tư trụ sở Xí nghiệp Chợ Mới, Tịnh Biên.
 - + Di dời Nhà máy xử lý CTNH thành phố Long Xuyên về Khu liên hợp xử lý chất rắn cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành.
- » Tiếp tục thực hiện Dự án đầu tư: Trang thiết bị xe chuyên dùng
- » Đầu tư xây dựng vườn ươm hoa kiểng, cây xanh.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận nói trên

Căn cứ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước cổ phần hóa và tình hình phát triển đô thị của tỉnh nói chung cũng như dự báo thị trường, mức độ phát triển của ngành trong tương lai, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị An Giang sẽ tiếp tục ổn định và phát triển các ngành nghề kinh doanh, do đó Tổng doanh thu các năm sau cổ phần hóa đóng góp từ hoạt động dịch vụ công ích (HD dịch vụ vệ sinh môi trường), sản xuất kinh doanh (dịch vụ vệ sinh khác, xây dựng cơ bản, xử lý chất thải nguy hại và xử lý rác thải sinh hoạt), để ra các giải pháp chủ yếu:

- » Về Hoạt động dịch vụ công ích (vệ sinh môi trường): Tăng cường mở rộng địa bàn thu gom rác sinh hoạt trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao tỷ lệ thu gom rác đặc biệt là các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh (Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 về ban hành kế hoạch xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số 3379/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020).
- » Về sản xuất kinh doanh: Tăng cường mở rộng thị trường kinh doanh liên quan đến ngành nghề của Công ty, mở rộng địa bàn thu gom rác thải sinh hoạt, nguy hại.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

57

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

57

VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

58

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

58



**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



PHẦN IV

Mang lại giá trị cho xã hội, đảm bảo trách nhiệm đối với môi trường là mục tiêu mà Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng sẽ là nhân tố quyết định giá trị bền vững của Công ty.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Hiện nay Công ty chủ yếu sử dụng trang thiết bị và nguồn nguyên vật liệu được sản xuất trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh như vật liệu xây dựng (cát, đá, xi măng,...), vật tư thiết bị sửa chữa xe chuyên dùng, vật tư thiết bị điện,... đúng theo quy định của pháp luật, bảo đảm về số lượng, chất lượng theo yêu cầu đề ra. Công nghệ sản xuất trong nước từng bước được cải tiến nhưng do môi trường làm việc đặc thù nên vật tư, thiết bị, công cụ, phương tiện chuyên dùng của Công ty hay bị hư hỏng. Việc thay thế những trang thiết bị này tốn kém chi phí rất lớn. Do đó, Công ty luôn vận động tập thể người lao động sử dụng công cụ, thiết bị đã hỏng, nhằm giảm thiểu phát thải ra môi trường và tiết kiệm cho Công ty.

Tiêu thụ năng lượng

Công ty chủ yếu sử dụng năng lượng điện, gas, xăng, nhớt và dầu DO để phục vụ vận hành nhà máy xử lý rác thải, vận chuyển rác thải;... Thực tế hiện nay, các doanh nghiệp đang được khuyến khích tìm kiếm nguồn năng lượng thay thế năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch, bởi trữ lượng của loại nhiên liệu này không phải là vô hạn, đồng thời quá trình đốt cháy nguồn nhiên liệu này sản sinh ra khí CO₂, một trong những tác nhân gây hiệu ứng nhà kính, làm biến đổi khí hậu toàn cầu. Để hạn chế tác động đến môi trường và thực hành tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, Công ty luôn chủ trương chỉ đạo tập thể người lao động sử dụng hợp lý nguồn năng lượng trong sản xuất kinh doanh.

Chính sách liên quan đến người lao động

Về chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, Công ty tổ chức khám chữa bệnh định kỳ hàng năm cho cán bộ người lao động Công ty.

Bên cạnh đó, nhằm mang lại không khí vui tươi, thoải mái cho công nhân viên sau giờ làm việc, Công ty đã phối hợp cùng Công đoàn tổ chức các hoạt động tập thể như thi hội thao, du khảo về nguồn, ... Các hoạt động tập thể này nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết cán bộ, người lao động trong Công ty.

Về bảo vệ môi trường

Công ty cổ phần Môi trường Đô thị An Giang luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững cho môi trường, xã hội và cộng đồng song song với những mục tiêu phát triển kinh tế tại bất cứ dự án nào mà AGE đầu tư và triển khai. Các dự án trên địa bàn đều được thực hiện với tiêu chí hài hòa với thiên nhiên và môi trường, tôn trọng và nâng tầm cảnh quan khu vực, thể hiện sự ý thức trong việc giữ gìn và bảo vệ môi trường. Ngoài mục tiêu lợi nhuận, Công ty xem việc giữ gìn môi trường, cảnh quan sạch sẽ là trọng yếu. Vì thế, Công ty không ngừng nỗ lực cải thiện chất lượng dịch vụ nhằm đưa ra những giải pháp, hoạt động tốt nhất nhằm góp phần giữ môi trường xanh, sạch, đẹp, tạo nên môi trường sống trong lành, thân thiện cho cộng đồng, kiến tạo sản phẩm xanh, không gian sống gắn gũi với thiên nhiên, góp phần bảo vệ môi trường.

- » Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- » Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không





VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

61

62

63



**BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

« PHẤN V



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- » Trong năm 2019, Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực như vệ sinh môi trường, thoát nước đô thị, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng đảm bảo cảnh quan môi trường đô thị trên địa bàn tỉnh luôn được sáng - xanh - sạch - đẹp.
- » Đặc biệt trong năm qua, Công ty đã hoàn thành các dự án như sau:



Các dự án đã hoàn thành

- » Dự án xử lý triệt để môi trường bãi rác Bình Đức
- » Dự án cải tạo chôn lấp hợp vệ sinh ô số 1 phủ đỉnh và Hệ thống xử lý nước rỉ rác 50m³/ngày đêm bãi rác Kênh 10, Châu Đốc
- » Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Thoại Sơn



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



- » HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực không ngừng nghỉ, tính sáng tạo trong quản lý, dám nghĩ, dám làm, mạnh dạn khai thác, đầu tư tìm thêm thị trường mới, tăng cường nguồn doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc, Ban Điều hành cùng các đồng chí lãnh đạo các đơn vị góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động.
- » Ban điều hành đã có các chỉ đạo mang lại hiệu quả cao trong kinh doanh, giúp Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHQĐ và HĐQT giao cho trong bối cảnh hoạt động kinh doanh còn nhiều khó khăn, khối lượng công ích bị cắt giảm nhiều. Nếu không có sự nỗ lực, cố gắng hết mình thì các chỉ tiêu thực hiện của năm 2019 có thể không hoàn thành kế hoạch do ĐHQĐ thông qua.
- » Trong quá trình hoạt động, Tổng Giám đốc, Ban Điều hành đã luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Công ty, Nghị quyết ĐHQĐ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin. Tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu. Công ty luôn thể hiện trách nhiệm cao đối với cộng đồng thông qua các hoạt động vì môi trường, cộng đồng và xã hội.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2019 là năm thứ hai hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, ngoài các yếu tố bên trong do sự thay đổi về quản trị doanh nghiệp và tổ chức bộ máy, các tác động kinh tế vĩ mô của nền kinh tế cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bước sang năm 2020, trước sự diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới, tình hình dịch bệnh và ảnh hưởng của xâm nhập mặn tại ĐBSCL, HĐQT đã cùng Ban điều hành lên kế hoạch cho năm 2020, cụ thể như sau:

Công tác vệ sinh môi trường

- » Nâng cao chất lượng công tác thu gom, vận chuyển rác đến bãi rác chính đảm bảo không để tồn đọng.
- » Theo dõi, kiểm tra điều chỉnh lại các tuyến đường vận hành thu gom của các xe chở rác cho phù hợp với thực tế.
- » Phối hợp với các UBND huyện thị thành mở rộng địa bàn thu gom rác nhằm nâng cao tỷ lệ thu gom rác trên địa bàn, đặc biệt là các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới.
- » Từng bước xóa các điểm trung chuyển rác tại các huyện, thị xã, thành phố trên toàn địa bàn tỉnh.
- » Tăng cường công tác rửa đường, rửa các điểm giao rác và các thùng rác.
- » Tăng cường san ủi và phun chế phẩm khử mùi, thuốc diệt ruồi các khu xử lý và các bãi rác.



Công tác quản lý hệ thống thoát nước

- » Tiếp tục thực hiện công tác chuyên môn như vét cát lề đường, vét miệng hố ga, thông lòng cống, các miệng xả và thu gom xà bần,... đảm bảo nước thoát tốt, không bị ứ đọng trên mặt đường khi trời mưa.
- » Kiểm tra thống kê đồ dal dự phòng và lưới chắn rác bị hư hỏng nhằm thay thế kịp thời để đảm bảo mỹ quan đô thị và an toàn cho người đi đường.



Công tác quản lý hệ thống chiếu sáng

- » Phối hợp với các ngành lắp đặt đồng hồ hẹn giờ của đèn chiếu sáng công cộng tại các địa phương chưa có, nhằm đảm bảo thời gian đóng cắt điện đúng giờ và tiết kiệm điện năng.
- » Thường xuyên kiểm tra và điều chỉnh thời gian đóng cắt điện phù hợp với thời tiết theo từng mùa. Tiếp tục thực hiện kiểm tra an toàn điện trên các thiết bị điện và xem đây là nhiệm vụ thường xuyên.
- » Kiểm tra, kịp thời sửa chữa thay thế đèn bị hư đảm bảo ánh sáng phục vụ nhân dân cũng như điều tiết những nơi có ánh sáng thừa, thiếu.
- » Khảo sát, cải tạo hệ thống chiếu sáng công cộng theo tiêu chí đảm bảo ánh sáng và tiết kiệm điện năng tiêu thụ.
- » Tăng cường kết hợp với các phường và các ngành chức năng trong việc bảo vệ lưới điện chiếu sáng công cộng nhằm tránh tình trạng xảy ra mất cấp dây điện và đập phá đèn v.v...

Công tác quản lý chăm sóc công viên, cây xanh

- » Thực hiện việc trồng hoa trên các công viên để tăng thêm màu sắc và thẩm mỹ cho đô thị.
- » Khảo sát, cải tạo trồng mới cây xanh ở các tuyến đường đồng thời nghiên cứu thay thế các loại cây xanh không còn phù hợp ở một số tuyến đường và nơi công cộng.
- » Thực hiện công tác mé cây tránh đổ ngã trong mùa mưa bão đồng thời khống chế chiều cao cây không ảnh hưởng lưới điện.
- » Nghiên cứu lắp đặt hệ thống tưới nước tự động trên công viên nhằm nâng cao hiệu quả làm việc cũng như tạo vẻ mỹ quan đô thị.

Thực hiện các đề án, dự án

- » Hoàn thành và đưa vào vận hành chính thức Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Thoại Sơn; Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Chợ Mới; Lò đốt rác Xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn; Hệ thống xử lý nước thải Kênh 10 Châu Đốc.
- » Hoàn chỉnh các đơn giá xử lý rác và trình các Sở ngành thẩm định, phê duyệt.
- » Tiếp tục triển khai xây dựng hố chôn lấp hợp vệ sinh giai đoạn 2 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên, huyện Châu Thành.
- » Tiếp tục triển khai dự án trang bị xe chuyên dùng cho các Xí nghiệp.

Các mặt hoạt động khác

- » Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc của các bộ phận chuyên môn.
- » Tiếp tục trang bị thêm các phương tiện, dụng cụ lao động nhằm nâng cao chất lượng phục vụ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.
- » Tập trung các mặt công tác phục vụ ngày lễ lớn trong năm.
- » Tập trung kiểm tra bảo quản, sửa chữa phương tiện xe chuyên dùng phục vụ Tết năm 2020.
- » Tiếp tục triển khai thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện, thị, thành.
- » Công ty triển khai thực hiện thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn 10 xã nông thôn mới trước đây và các huyện, thành phố có vùng chuyên canh rau an toàn, vùng chuyên canh cây ăn trái theo tiêu chuẩn VietGap/ GlobalGAP, vùng sản xuất lúa theo tiêu chuẩn SRP và GAP như An Phú, Chợ Mới, Thoại Sơn, Châu Phú, Long Xuyên, Châu Đốc, Tân Châu.





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

67

BAN KIỂM SOÁT

69

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI

ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT **71**



QUẢN TRỊ CÔNG TY

« PHẢN VI



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp trong năm	Lý do vắng mặt
Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch	12	
Trần Minh Tâm	Thành viên	12	
Đặng Anh Dũng	Thành viên	12	
Trần Hữu Bình	Thành viên	12	
Đỗ Văn Lạc	Thành viên	12	

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: KHÔNG CÓ

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: KHÔNG CÓ



Trong năm 2019, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết sau:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/ NQ-HĐQT	08/01/2019	Thông qua nhân sự chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông năm 2019; các quy chế của Công ty; Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 & kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019; lựa chọn công ty kiểm toán 3 tháng cuối năm 2018; công tác nhân sự của Công ty.
2	02/ NQ-HĐQT	05/03/2019	Thông qua việc đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty và chốt danh sách cổ đông.
3	03/ NQ-HĐQT	18/03/2019	Thông qua việc thống nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2019; điều chỉnh của Kiểm toán độc lập về kiểm toán BCTC 03 tháng cuối năm 2018; công tác nhân sự của Công ty.
4	04/ NQ-HĐQT	05/04/2019	Thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
5	05/ NQ-HĐQT	27/05/2019	Thông nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019; công tác nhân sự cán bộ quản lý Công ty; dự thảo Ban hành thang bảng lương theo quy định mức lương tối thiểu vùng và Quy định chức danh - chức trách tại Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang.
6	06/ NQ-HĐQT	15/06/2019	Tiếp nhận bà Đinh Thị Ngọc Nga, sinh ngày 15/8/1976, Phó Giám đốc Quý đầu tư phát triển tỉnh về công tác và bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang; Thống nhất chủ trương việc tiếp nhận lực lượng thu gom rác tự quản trên địa bàn thành phố Long Xuyên.
7	07/ NQ-HĐQT	08/07/2019	Thông qua tạm ứng nguồn vốn thường xuyên để thanh toán chi phí thực hiện dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn Chợ Mới
8	08/ NQ-HĐQT	20/07/2019	Phê duyệt việc tiếp nhận bà Nguyễn Phương Hồng - Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy An Phú về công tác và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Xí nghiệp Môi trường đô thị An Phú.
9	09/ NQ-HĐQT	01/08/2019	Đồng ý cho ông Nguyễn Văn Lượm, Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang - Xí nghiệp Môi trường đô thị Châu Phú nghỉ việc theo nguyện vọng.
10	10/ NQ-HĐQT	10/09/2019	Thông nhất cho tạm ứng trước nguồn vốn thường xuyên để giải ngân chi phí của các dự án với số tiền 2.102.707.753 đồng
11	11/ NQ-HĐQT	18/10/2019	Thông nhất giữ nguyên tài sản trên sổ sách không bàn giao cho huyện và không đưa ra thanh lý đối với tài sản nhận bàn giao trước thời điểm xác nhận giá trị doanh nghiệp ngày 30/9/2016; Thống nhất Điều chỉnh bút toán trên sổ sách các tài sản; Thống nhất báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh quý 3/2019 của Công ty; Thống nhất các Quy chế của Công ty.
12	12/ NQ-HĐQT	26/12/2019	Thông nhất ký kết hợp đồng lao động mới với Ông Nguyễn Quốc Thái với chức danh Giám đốc Xí nghiệp Môi Trường Đô Thị Phú Tân kể từ ngày 01/01/2020; Thống nhất gia hạn thời gian di dời Nhà máy xử lý chất thải nguy hại thành phố Long Xuyên; Thống nhất nhân sự cán bộ quản lý Xí nghiệp môi trường đô thị Châu Thành nhiệm kỳ 2020-2025.



BAN KIỂM SOÁT

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp trong năm	Lý do
Trần Thị Thanh Hương	Trưởng ban	12	
Nguyễn Kim Hiên	Thành viên		
Trần Đình Thư	Thành viên		

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị cũng như các cuộc họp giao ban tuần, tháng của Công ty. Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty năm 2019, cụ thể:

- » Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2019.
- » Tham gia các ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.
- » Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- » Thẩm tra các Báo cáo Tài chính 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra.
- » Kiểm soát các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- » Năm 2019, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cụ thể:
 - Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại các cuộc họp định kỳ, bất thường của Hội đồng quản trị Công ty;
 - Ban kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ các biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.
 - Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 06 tháng, năm.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Đối với Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị đã bám sát, chỉ đạo mọi lĩnh vực hoạt động của công ty, với tinh thần làm việc đoàn kết, tập trung, dân chủ.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp định kỳ và đột xuất theo đúng quy định của Điều lệ Công ty. Sau mỗi cuộc họp đều ra Nghị quyết, trên cơ sở nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để chỉ đạo và giao cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện, cụ thể:

- » Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông năm 2019 đạt kết quả tốt.
- » Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của từng quý trong năm, đề ra nhiệm vụ cho quý tiếp theo.
- » Quán triệt, chỉ đạo các đơn vị chức năng trong Công ty rà soát để giảm các chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Qua việc xem xét các Nghị quyết và Biên bản họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhận thấy các quyết định của Hội đồng quản trị đều hướng tới lợi ích chung của Công ty, đảm bảo vai trò định hướng phát triển của Công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Đối với Ban Tổng Giám đốc



Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, năm 2019 Doanh thu đạt 107% so kế hoạch; giúp Công ty ngày càng phát triển, có lợi nhuận; làm tròn nghĩa vụ thuế; trả cổ tức năm trước cho cổ đông; đời sống người lao động ngày càng được nâng cao.



Về công tác kế toán: Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo nghiêm túc việc lập các Báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật Việt Nam.



Về công tác tổ chức nhân sự: Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo sắp xếp, tuyển dụng, đào tạo nhân sự phù hợp với hoạt động của Công ty, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm và hiệu quả công việc.

Nhìn chung, trong năm 2019 Ban Tổng Giám đốc đã điều hành tốt mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, luôn chủ động đưa ra các giải pháp để tiết kiệm chi phí hiệu quả, phù hợp với luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương	Thù lao	Thưởng
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Nguyễn Ngọc Sơn	505.440.000	-	42.120.000
2	Trần Minh Tâm	491.400.000	-	40.950.000
3	Đặng Anh Dũng	477.360.000	-	39.780.000
4	Trần Hữu Bình	195.540.000	84.200.000	19.554.000
5	Đỗ Văn Lạc	180.000.000	84.200.000	24.000.000
DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT				
1	Trần Thị Thanh Hương	442.260.000	-	36.855.000
2	Nguyễn Kim Hiên	-	88.452.000	-
3	Trần Đình Thư	-	88.452.000	-
DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH				
1	Trần Minh Tâm	491.400.000	-	40.950.000
2	Đặng Anh Dũng	477.360.000	-	39.780.000
3	Đinh Thị Ngọc Nga	210.600.000	-	17.550.000
4	Kế toán trưởng	400.140.000	-	33.345.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có



Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.

Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





Ý KIẾN KIỂM TOÁN VIÊN

75

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

77



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2019**

« PHẤN VII

E info@cpvietnam.vn
W www.cpvietnam.vn

Số: 314/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang, được lập ngày 25/3/2020, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRƯỜNG AN GIANG

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 03/10/2018 đến ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 30/3/2019 có ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần ngày 03/10/2018 và Công ty đã có Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt giá trị vốn Nhà nước Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang tại thời điểm chuyển thành Công ty Cổ phần. Tuy nhiên, đến ngày phát hành Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 Công ty chưa thực hiện lập hồ sơ bàn giao giữa doanh nghiệp Cổ phần và Công ty Cổ phần theo quy định tại Điều 9 của Thông tư 41/2018/TT-BTC ngày 4/5/2018 về việc hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH Một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty Cổ phần.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1
Giấy Ủy quyền số 02/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Ngô Thị Hồng Phương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3621-2016-137-1

1. B
2. C
3. D
4. E
5. F
6. G
7. H
8. I
9. J
10. K
11. L
12. M
13. N
14. O
15. P
16. Q
17. R
18. S
19. T
20. U
21. V
22. W
23. X
24. Y
25. Z

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		113.904.410.496	120.774.055.722
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	41.543.173.153	56.375.209.490
1. Tiền	111		11.543.173.153	6.375.209.490
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	50.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.433.829.517	400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	10.433.829.517	400.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.447.799.981	49.748.246.921
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	30.050.172.451	48.429.356.975
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.947.916.111	2.530.102.769
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	220.421.603	399.992.552
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(1.770.710.184)	(1.611.205.375)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	24.663.758.732	14.141.700.260
1. Hàng tồn kho	141		24.663.758.732	14.141.700.260
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		815.849.113	108.899.051
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	815.849.113	108.899.051
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		246.699.124.977	142.918.722.051
I Các khoản phải thu dài hạn	210		318.010.585	94.434.300
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	318.010.585	94.434.300
II Tài sản cố định	220		116.095.683.552	114.344.037.087
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	101.921.408.804	102.513.973.468
- Nguyên giá	222		164.779.359.396	155.678.491.483
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.857.950.592)	(53.164.518.015)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	14.174.274.748	11.830.063.619
- Nguyên giá	228		14.323.996.234	11.904.563.609
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(149.721.486)	(74.499.990)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		122.363.594.191	11.904.337.149
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	122.363.594.191	11.904.337.149
VI Tài sản dài hạn khác	260		7.921.836.649	16.575.913.515
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	7.921.836.649	16.575.913.515
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		360.603.535.473	263.692.777.773

101/ TÀI SẢN NGẮN HẠN
 101/ TÀI SẢN DÀI HẠN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		44.307.159.049	61.638.510.020
I- Nợ ngắn hạn	310		44.307.159.049	61.638.510.020
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	28.801.830	1.700.407.830
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.500.000	943.698
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	638.211.358	4.907.671.654
4. Phải trả người lao động	314		23.484.127.294	19.813.117.140
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.181.773	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	35.023.547	26.267.662
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	8.318.221.422	30.050.638.312
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		11.789.091.825	5.139.463.724
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		316.296.376.424	202.054.267.753
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	316.296.376.424	202.054.267.753
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		198.930.000.000	198.930.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		198.930.000.000	198.930.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.887.707.802	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		679.035.749	3.124.267.753
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		679.035.749	-
- LNST chưa phân phối kì này	421b		-	3.124.267.753
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		114.799.632.873	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		360.603.535.473	263.692.777.773

Long Xuyên, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập

Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Bích

Tổng Giám đốc



Trần Minh Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Từ ngày 03/10/2018
			VND	đến ngày 31/12/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	195.017.740.957	46.960.637.878
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	195.017.740.957	46.960.637.878
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	163.493.642.366	38.311.683.474
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		31.524.098.591	8.648.954.404
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	1.970.902.676	817.698.081
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.19	16.146.140.177	5.427.128.100
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		17.348.861.090	4.039.524.385
11. Thu nhập khác	31	5.20	152.460.784	46.871.767
12. Chi phí khác	32	5.20	66.601.863	72.132.637
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		85.858.921	(25.260.870)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		17.434.720.011	4.014.263.515
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	2.359.962.033	889.995.762
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		15.074.757.978	3.124.267.753
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	172	157



Long Xuyên, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Người lập

Kế toán trưởng

(Signature)

(Signature)

Trần Thị Thúy

Võ Thị Ngọc Bích

Trần Minh Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019	Từ ngày 03/10/2018
		VND	đến ngày 31/12/2018
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.434.720.011	4.014.263.515
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSET	02	14.264.663.698	3.905.511.260
- Các khoản dự phòng	03	159.504.809	1.611.205.375
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.946.220.241)	(813.300.461)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	29.912.668.277	8.717.679.689
- Biến động các khoản phải thu	09	12.917.365.846	3.694.131.063
- Biến động hàng tồn kho	10	(10.522.058.472)	(3.091.319.578)
- Biến động các khoản phải trả	11	(5.662.544.360)	(5.730.498.140)
- Biến động chi phí trả trước	12	7.947.126.804	1.562.329.333
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.958.000.000)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.556.579.282)	(480.415.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.077.978.813	4.671.907.367
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(28.822.405.874)	(10.836.318.556)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.912.390.724	679.150.871
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(36.910.015.150)	(10.157.167.685)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(14.832.036.337)	(5.485.260.318)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	56.375.209.490	61.860.469.808
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	41.543.173.153	56.375.209.490

Long Xuyên, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Người lập

Kế toán trưởng

(Signature)

(Signature)

Trần Thị Thúy

Võ Thị Ngọc Bích

Trần Minh Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án và cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1601604590, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 04/10/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: AN GIANG URBAN ENVIROMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: CTY CP MTĐT AN GIANG

Công ty hiện đang giao dịch trên sàn UpCom. Mã cổ phiếu: AGE

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	19.471.800	194.718.000.000	97,883%
Các cổ đông khác	421.200	4.212.000.000	2,117%
Tổng	19.893.000	198.930.000.000	100%

Địa chỉ đăng ký: Số 128, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 775 người (tại ngày 31/12/2018: 680 người)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Quét rác đường phố, vỉa hè; Dịch vụ quản lý khai thông hệ thống nước thải, xử lý nước thải; Rút hầm cầu, hầm lãng; Dịch vụ cung cấp vận chuyển đồ, lau dọn vệ sinh cho các tổ chức, cá nhân; Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn, chất thải y tế; Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải; Đầu tư xây dựng hoa viên nghĩa trang và các dự án khác; Thi công xây dựng công trình nông thôn, công nông thôn, công cộng; Xử lý chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải công nghiệp; Tái chế phế liệu; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Mua bán cây xanh, hoa kiểng các loại; Sản xuất gạch lát vỉa hè; Sản xuất xe rác kéo tay; Sản xuất thùng rác; Mua bán gạch lát vỉa hè; Sản xuất và thi công khung thép, các cấu kiện thép của công trình hạ tầng, công nghiệp, dân dụng, khung tiền chế, cửa các loại và các cấu kiện thép khác; Thi công trang trí nội thất, ngoại thất các công trình dân dụng và công nghiệp; Lắp đặt, thi công điện dân dụng, công nghiệp, chiếu sáng công cộng, hạ tầng hạ thế; Sửa chữa và cải tạo xe ô tô, xe chuyên dụng và các loại xe thô sơ khác; Thiết kế làm mới thùng, khung xe chuyên dụng và ô tô các loại; Sản xuất xe rác kéo tay, khung xe các loại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý tiêu hủy rác thải độc hại; Thu gom, vận chuyển chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải công nghiệp; Dịch vụ quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố; Dịch vụ quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng; Dịch vụ duy tu, sửa chữa các công trình thoát nước vỉa hè, cầu đường, sơn vạch kẻ đường; Mua bán phế liệu (ngoại trừ phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường); Mua bán thùng rác và xe rác kéo tay; Trồng cây cảnh lâu năm và các cây lâu năm khác; Trồng và cắt tỉa tạo hình cây xanh các loại; Trồng hoa hàng năm; Trồng và cắt tỉa tạo hình hoa kiểng các loại; Xây dựng nhà để ô; Xây dựng nhà không để ô; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Xây dựng công trình thủy; Xây dựng công trình chế biến, chế tạo; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Cung cấp dịch vụ công ích và xây dựng dân dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.3 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tri Tôn	Số 01, Nguyễn Huệ, Khóm 4, Thị trấn Tri Tôn, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang
2. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Phú Tân	Số 109, ấp Thượng 2, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang
3. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Đốc	Số 269 Hoàng Diệu, Phường Châu Phú B, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang.
4. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tân Châu	Số 21 Lê Thị Riêng, Khóm Long Thạnh C, Phường Long Hưng, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang
5. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Thành	Ấp Bình Phú 1 Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
6. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Thoại Sơn	Đường Nguyễn Huệ, Ấp Bắc Sơn, Thị trấn Núi Sập, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang
7. Xí nghiệp Môi trường Đô thị An Phú	Số 2729, Tổ 30, Ấp Phú Mỹ, Xã Phú Hội, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang
8. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tịnh Biên	Khóm Hòa Hưng, Thị trấn Nhà Bàng, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang
9. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Chợ Mới	Đường Tinh lộ 942, Ấp Long Hòa, Thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang
10. Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Phú	Số 44 Hai Bà Trưng, Ấp Bình Hòa, Thị trấn Cái Dầu, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành; thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kết toán đầu tiên công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 03/10/2018 đến ngày 31/12/2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.



10/11/2019
LƯU
H
T
M
V

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con.). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

10/11/2019
LƯU
H
T
M
V

10/11/2019
LƯU
H
T
M
V

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013; Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đến bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

10 NĂM

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2019 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	06 – 13

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

TSCĐ vô hình là phần mềm kế toán được khấu hao trong 5 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- **Công cụ, dụng cụ:** Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.
- **Giá trị lợi thế kinh doanh:** Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Giá trị lợi thế kinh doanh này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Hồ chôn lấp rác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

10 NĂM

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả
- Chi phí phải trả cho dịch vụ theo thời gian thực hiện hợp đồng

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-D

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp phù hợp với quy định hiện hành về thuế. Năm 2019 công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với các mức thuế suất 20%, 10% và 10% được miễn giảm 50%.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.581.085.803	633.356.669
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.962.087.350	5.741.852.821
Tương đương tiền	30.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	41.543.173.153	56.375.209.490

Tương đương tiền là khoản: Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh An Giang, số tiền 10.000.000.000 đồng; Ngân hàng TM CP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 5.000.000.000 đồng; Ngân hàng TMCP Bản Việt chi nhánh An Giang, số tiền 5.000.000.000 đồng; Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội chi nhánh An Giang, số tiền 10.000.000.000 đồng, lãi suất từ 5%/năm đến 7%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 183 ngày tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội chi nhánh An Giang, số tiền 10.000.000.000 đồng, lãi suất tiền gửi: 7,0%/năm.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc	8.288.153.143	18.945.453.410
Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên	4.413.000.000	14.024.000.000
Ủy Ban Nhân Dân Huyện Chợ Mới	2.735.536.086	3.743.935.206
Các đối tượng còn lại	14.613.483.222	11.715.968.359
Cộng	30.050.172.451	48.429.356.975

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	220.421.603	-	399.992.552	-
Ký quỹ ký cược	-	-	47.000.000	-
Tạm ứng	-	-	59.000.000	-
Lãi dự thu	192.661.542	-	134.149.590	-
Các khoản chi hệ tiền điện công lộ	27.760.061	-	159.842.962	-
b) Dài hạn	318.010.585	-	94.434.300	-
- Ký cược, ký quỹ	318.010.585	-	94.434.300	-
Cộng	538.432.188	-	494.426.852	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Nợ xấu

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu	Giá gốc	Giá trị có thể thu
Phòng tài chính kế hoạch Long Xuyên - Phải thu tiền bán hàng	1.216.560.329	-	1.216.560.329	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	554.149.855	-	534.922.055	140.277.009
Cộng	1.770.710.184	-	1.751.482.384	140.277.009
<i>Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi</i>	1.770.710.184		1.611.205.375	
<i>Trong đó:</i>	Quá dưới 1 năm	Quá hạn 1-dưới 2 năm	Quá hạn 2-dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Phòng tài chính kế hoạch Long Xuyên - Phải thu tiền bán hàng				1.216.560.329
Khách hàng khác	-	-	-	554.149.855

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	467.236.658	-	484.062.922	-
Công cụ, dụng cụ	9.480.000	-	11.838.327	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.170.689.190	-	13.629.446.127	-
Thành phẩm	16.352.884	-	16.352.884	-
Cộng	24.663.758.732	-	14.141.700.260	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	815.849.113	108.899.051
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	751.913.594	104.854.050
Chi phí thuê giữ đất	6.934.500	4.045.001
Phí sử dụng đường bộ	57.001.019	-
b) Dài hạn	7.921.836.649	16.575.913.515
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.035.383.524	1.520.655.812
Chi phí xây dựng hồ chôn lấp rác	4.313.007.093	11.793.827.230
Giá trị lợi thuế kinh doanh	2.099.253.799	3.076.866.222
Chi phí sửa chữa tài sản	474.192.233	184.564.251
Cộng	8.737.685.762	16.684.812.566

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
5.8 Tài sản cố định hữu hình

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)		Mẫu B 09-DN
	Giá gốc	Giá trị còn lại	Giá gốc	Giá trị còn lại	
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2019	40.272.436.328	40.272.436.328	113.953.652.700	426.532.000	155.678.491.483
Tăng trong năm	5.005.382.392	-	14.365.325.822	-	30.743.349.080
Mua trong năm	-	-	14.365.325.822	-	14.365.325.822
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.005.382.392	-	-	-	16.378.023.258
Giảm trong năm	61.635.000	61.635.000	21.580.846.167	-	21.642.481.167
Giảm do quyết toán vốn Nhà nước	61.635.000	61.635.000	21.580.846.167	-	21.642.481.167
Số dư tại 31/12/2019	45.216.183.720	45.216.183.720	106.738.132.355	426.532.000	164.779.359.396
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2019	12.005.977.042	12.005.977.042	40.757.899.984	158.899.097	53.164.518.015
Tăng trong năm	2.855.739.418	2.855.739.418	10.377.442.990	9.636.360	14.189.442.202
Khấu hao trong năm	2.855.739.418	2.855.739.418	10.377.442.990	9.636.360	14.189.442.202
Giảm trong năm	-	-	4.496.009.625	-	4.496.009.625
Giảm do quyết toán vốn Nhà nước	-	-	4.496.009.625	-	4.496.009.625
Số dư tại 31/12/2019	14.861.716.460	14.861.716.460	46.639.333.349	204.952.937	62.857.950.592
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2019	28.266.459.286	28.266.459.286	73.195.752.716	38.139.465	102.513.973.468
Tại ngày 31/12/2019	30.354.467.260	30.354.467.260	60.098.799.006	28.503.105	101.921.408.804

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng vẫn còn giá trị tại ngày 31/12/2019 là 4.515.761.800 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 0 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2019	11.791.563.609	113.000.000	11.904.563.609
Tăng trong năm	2.104.582.625	314.850.000	2.419.432.625
Mua trong năm	2.104.582.625	314.850.000	2.419.432.625
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	<u>13.896.146.234</u>	<u>427.850.000</u>	<u>14.323.996.234</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2019	-	74.499.990	74.499.990
Tăng trong năm	-	75.221.496	75.221.496
Khấu hao trong năm	-	75.221.496	75.221.496
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	-	<u>149.721.486</u>	<u>149.721.486</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2019	<u>11.791.563.609</u>	<u>38.500.010</u>	<u>11.830.063.619</u>
Tại 31/12/2019	<u>13.896.146.234</u>	<u>278.128.514</u>	<u>14.174.274.748</u>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 với giá trị là 36.000.000VND (tại ngày 31/12/2018: 36.000.000 VND).

KHOẢN MANG N. NH

KHOẢN MANG N. NH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Chi mua sắm	136.500.000	-
Phần mềm nhân sự	136.500.000	-
b) Chi xây dựng cơ bản dở dang	122.149.394.191	11.904.337.149
Dự án khu Liên Hợp Châu Thành - Cụm Long Xuyên	354.379.639	354.379.639
Dự án nhà máy xử lý chất thải rắn - Huyện Thoại Sơn	234.681.455	8.807.492.728
Dự án Lò đốt rác thải sinh hoạt xã Vĩnh Gia - Huyện Tri Tôn	626.749.408	541.703.148
Bãi chôn lấp rác thải - xã Bình Hòa	13.273.636	13.273.636
Dự án nhà Máy xử lý chất thải rắn - Huyện Chợ Mới	6.120.677.180	394.841.635
Dự án cải tạo chôn lấp hợp vệ sinh bãi rác kênh 10 - Huyện Châu Đốc	-	1.770.086.363
Dự án kéo mới đường dây hạ thế khu liên hiệp xử lý chất thải rắn - Huyện Phú Tân	-	22.560.000
Dự án xử lý triệt để môi trường bãi rác - Huyện Bình Đức	38.382.859.572	-
Dự án cải tạo, chôn lấp hợp vệ sinh bãi rác kênh 10, ô số 1 phần phù đình (kênh 10, TP Châu Đốc)	2.834.655.000	-
Dự án hạ tầng khu liên hiệp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên (giai đoạn 1)	73.582.118.301	-
c) Chi sửa chữa	77.700.000	-
Xe ủi (Công ty)	31.400.000	-
Xe đào 07 EX (Công ty)	46.300.000	-
Cộng	<u>122.363.594.191</u>	<u>11.904.337.149</u>

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thanh bình Nhật Nam	-	-	410.000.000	410.000.000
Công ty TNHH XD và Tư vấn Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn	-	-	350.000.000	350.000.000
Công ty TNHH Tư Vấn kiến trúc Mới	15.477.000	15.477.000	15.477.000	15.477.000
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và Giao thông An Giang	8.924.000	8.924.000	8.924.000	8.924.000
Công ty Cổ Phần Báo Chí Và Thương Hiệu Quốc Gia	4.400.000	4.400.000	-	-
Các đối tượng còn lại	830	830	451.747.830	451.747.830
Cộng	<u>28.801.830</u>	<u>28.801.830</u>	<u>1.700.407.830</u>	<u>1.700.407.830</u>

KHOẢN MANG N. NH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN GIANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2019 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019 (VND)
Phải nộp	4.907.671.654	13.769.645.300	18.039.105.596	638.211.358
Thuế GTGT	2.625.554.574	9.753.176.878	12.001.069.746	377.661.706
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.095.344.717	2.918.272.142	4.958.000.000	55.616.859
Thuế thu nhập cá nhân	186.772.363	530.160.430	512.000.000	204.932.793
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	555.035.850	555.035.850	-
Các loại thuế khác	-	13.000.000	13.000.000	-

5.13 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	8.318.221.422	30.050.638.312
Tài sản thừa chờ giải quyết	395.069.000	395.069.000
Kinh phí công đoàn	-	14.771.226
Bảo hiểm xã hội	-	147.950.491
Bảo hiểm y tế	-	26.108.909
Bảo hiểm thất nghiệp	-	11.603.960
Phải trả về cổ phần hoá	3.406.239.694	26.928.793.726
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.978.600.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	538.312.728	2.526.341.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	8.318.221.422	30.050.638.312

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền, hiện vật thu hộ của xí nghiệp Thoại Sơn	-	21.572.000
Tiền bảo hành công trình phải trả cho nhà cung cấp	533.752.000	2.504.769.000
Thuế thu nhập cá nhân	4.560.728	-
Cộng	538.312.728	2.526.341.000

5.14 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	35.023.547	26.267.662
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	35.023.547	26.267.662
b) Dài hạn	-	-
Cộng	35.023.547	26.267.662



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguyên vốn đầu tư XDCB
Số dư tại 03/10/2018	198.930.000.000	-	-	198.930.000.000
Tăng trong năm	-	-	3.124.267.753	3.124.267.753
Lãi hoạt động kinh doanh	-	-	3.124.267.753	3.124.267.753
Giảm trong năm	198.930.000.000	-	3.124.267.753	-
Số dư tại 31/12/2018	198.930.000.000	-	3.124.267.753	202.054.267.753
Tăng trong năm	-	1.887.707.802	19.570.767.603	114.799.632.873
Lãi kinh doanh trong năm	-	-	15.074.757.978	15.074.757.978
Phân phối lợi nhuận quý 4/2018 và năm 2019 (*)	-	1.887.707.802	-	1.887.707.802
Nguyên vốn XDCB từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	114.799.632.873
Điều chỉnh khấu hao (*)	-	-	4.496.009.625	-
Giảm trong năm	198.930.000.000	1.887.707.802	22.015.999.607	-
Trích quỹ đầu tư phát triển quý 4/2018 và năm 2019 (*)	-	-	1.887.707.802	-
Trích lập quỹ phúc lợi và Ban điều hành quý 4/2018 (*)	-	-	2.065.000.000	-
Trích lập Quỹ KTPL và BDH năm 2019 (*)	-	-	9.588.681.880	-
Xử lý tài chính về việc quyết toán vốn Nhà nước (**)	-	-	4.496.009.925	-
Tạm chia cổ tức quý 4/2018 và năm 2019 (*)	-	-	3.978.600.000	-
Số dư tại 31/12/2019	198.930.000.000	1.887.707.802	679.035.749	114.799.632.873

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-DHDCD ngày 25/4/2019 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên như sau: Phân phối lợi nhuận từ ngày 03/10/2018 đến ngày 31/12/2018 và tạm phân phối theo kế hoạch năm 2019 cho việc trích quỹ đầu tư phát triển số tiền; quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ ban điều hành với số tiền lần lượt là 1.887.709.566 đồng và 11.653.697.760 đồng.

(**) Công ty thực hiện điều chỉnh theo Biên bản xử lý tài chính về việc quyết toán vốn Nhà nước chuyển thành Công ty Cổ phần ngày 03/10/2018 theo Quyết số 2956/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	194.718.000.000	194.718.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	4.212.000.000	4.212.000.000
Cộng	198.930.000.000	198.930.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Từ ngày 03/10/2018
	VND	đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Vốn góp tại đầu năm	198.930.000.000	198.930.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31/12/2019	198.930.000.000	198.930.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	3.978.600.000	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.893.000	19.893.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.893.000	19.893.000
Cổ phiếu phổ thông	19.893.000	19.893.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.893.000	19.893.000
Cổ phiếu phổ thông	19.893.000	19.893.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Từ ngày 03/10/2018
	VND	đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Doanh thu xây dựng	1.272.605.455	79.290.909
Doanh thu dịch vụ công ích	162.906.778.621	40.219.199.399
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.838.356.881	6.662.147.570
Cộng	195.017.740.957	46.960.637.878

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Từ ngày 03/10/2018
	VND	đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Giá vốn xây dựng	881.654.682	70.838.818
Giá vốn dịch vụ công ích	152.167.578.004	36.183.009.480
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.444.409.680	2.057.835.176
Cộng	163.493.642.366	38.311.683.474

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Từ ngày 03/10/2018
	VND	đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.970.902.676	817.698.081
Cộng	1.970.902.676	817.698.081

5.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019	Từ ngày 03/10/2018
	VND	đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.759.761.631	2.952.612.010
Chi phí vật liệu quản lý	101.985.610	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	410.166.059	112.448.392
Chi phí khấu hao TSCĐ	429.465.852	92.411.088
Thuế phí và lệ phí	180.293.898	8.491.000
Chi phí dự phòng	159.504.809	1.611.205.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	752.861.663	171.303.141
Chi phí bằng tiền khác	2.352.100.655	478.657.094
Cộng	16.146.140.177	5.427.128.100

5.20 Thu nhập khác

	Năm 2019	Từ ngày 03/10/2018
	VND	đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Thu nhập khác		
Các khoản khác	152.460.784	46.871.767
Cộng	152.460.784	46.871.767
Chi phí khác		
Các khoản khác	66.601.863	72.132.637
Cộng	66.601.863	72.132.637
Lợi nhuận khác	85.858.921	25.260.870

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Từ ngày 03/10/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
1.1 Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.434.720.011	4.014.263.515
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	227.989.672	1.681.399.012
Chi phí không được tính thuế	227.989.672	1.681.399.012
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	-
Thu nhập chịu thuế	17.662.709.683	5.695.662.527
Thu nhập chịu thuế suất 20%	6.217.213.505	3.357.148.318
Thu nhập chịu thuế suất 10%	10.884.890.467	2.185.660.979
Thu nhập chịu thuế suất 10% và được miễn 50% theo quy định	560.605.711	152.853.230
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.387.992.319	905.281.085
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	28.030.286	15.285.323
Thuế TNDN hiện hành	2.359.962.033	889.995.762

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Từ ngày 03/10/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.074.757.978	3.124.267.753
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận (*)	(11.653.681.880)	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.421.076.098	3.124.267.753
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	19.893.000	19.893.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	172	157

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên. Theo đó, Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ ban điều hành năm 2018 và tạm trích theo kế hoạch năm 2019 với số tiền 11.653.681.880 đồng.

5.23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Từ ngày 03/10/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.974.990.604	6.163.106.112
Chi phí nhân công	119.582.605.089	29.276.558.703
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.264.663.698	3.905.511.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.189.621.891	5.035.655.524
Chi phí khác bằng tiền	6.295.285.581	3.083.255.565
Cộng	188.307.166.863	47.464.087.164

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND	Từ ngày 03/10/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	4.284.733.664	1.293.432.637

6.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.543.173.153	56.375.209.490
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.817.894.455	47.206.578.452
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.433.829.517	400.000.000
Tổng	80.794.897.125	103.981.787.942
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	8.347.023.252	31.751.046.142
Chi phí phải trả	6.181.773	-
Cộng	8.353.205.025	31.751.046.142

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty đã tiến hành rà soát tình trạng công nợ phải thu khách hàng, kết hợp đồng thời với thủ tục đối chiếu xác nhận công nợ phải thu, Công ty đã phân loại và đánh giá khả năng thu hồi công nợ theo từng khách hàng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 với số tiền là 1.770.710.184 đồng (số đầu kỳ là: 1.611.205.375 đồng).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Tại 31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	8.347.023.252	-	8.347.023.252
Chi phí phải trả	6.181.773	-	6.181.773
Tổng	8.353.205.025	-	8.353.205.025
Tại 01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	31.751.046.142	-	31.751.046.142
Cộng	31.751.046.142	-	31.751.046.142

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.543.173.153	-	41.543.173.153
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.499.883.870	318.010.585	28.817.894.455
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.433.829.517	-	10.433.829.517
Cộng	80.476.886.540	318.010.585	80.794.897.125
Tại 01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.375.209.490	-	56.375.209.490
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.112.144.152	94.434.300	47.206.578.452
Đầu tư tài chính ngắn hạn	400.000.000	-	400.000.000
Cộng	103.887.353.642	94.434.300	103.981.787.942

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 03/10/2018 đến ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác kiểm toán.

Người lập

Trần Thị Thủy

Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Bích

Long Xuyên, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Minh Tâm



NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Minh Tâm